



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2015/NĐ-CP NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2015
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 205/2025/NĐ-CP
NGÀY 14 THÁNG 7 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025), cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được

a) Hình thức lấy ý kiến:

- Đăng tải toàn văn hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến.
- Gửi văn bản lấy ý kiến: Công văn số 7068/BCT-CN ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (thời hạn gửi ý kiến trước ngày 15 tháng 9 năm 2026); Công văn số 7418/BCT-CN ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc đôn đốc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Công văn số 7068/BCT-CN (thời hạn gửi ý kiến trước ngày 19 tháng 9 năm 2026).
- Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: 70 cơ quan, tổ chức (gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị thuộc Bộ Công Thương; hiệp hội ngành hàng, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp có liên quan).

b) Kết quả nhận ý kiến (tính đến ngày 18 tháng 9 năm 2026):

- Tổng số văn bản góp ý được tổng hợp: 38 văn bản, gồm: 06 bộ, cơ quan ngang bộ (Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 06 đơn vị thuộc Bộ Công Thương và cơ quan trực thuộc (Văn

phòng Bộ, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cục Phòng vệ thương mại, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Vụ Phát triển thị trường nước ngoài); 02 viện nghiên cứu thuộc Bộ Công Thương (Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; Viện Nghiên cứu Cơ khí); 01 cơ sở giáo dục đại học (Đại học Bách khoa Hà Nội); 01 doanh nghiệp tư vấn (Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuế và Tư vấn PwC (Việt Nam)); 21 văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Công Thương, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phân loại theo tính chất ý kiến: 15 văn bản nhất trí hoàn toàn, không có ý kiến khác; 23 văn bản cơ bản nhất trí và có ý kiến góp ý cụ thể.

2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. Ý KIẾN CHUNG VỀ SỰ CẦN THIẾT, BỐ CỤC VÀ HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang (Công văn số 3641/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị liên quan, Sở Công Thương nhất trí Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Sở Công Thương thành phố Cần Thơ (Công văn số 3950/SCT-QLCN ngày 11/9/2026)	“Sau khi nghiên cứu hồ sơ, gồm: (1) Dự thảo Tờ trình; (2) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung Dự thảo Nghị định; (4) Phụ lục rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan dự thảo Nghị định; (5) Dự thảo Đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định. Sở Công Thương thống nhất nội dung và không có góp ý.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến thống nhất.
	Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên (Công văn	“Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	số 6554/SCT-CNTH ngày 14/9/2026)	phù về phát triển công nghiệp hỗ trợ, không có ý kiến bổ sung thêm.”	
	Sở Công Thương tỉnh Lai Châu (Công văn số 4185/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“Sau khi nghiên cứu, tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Công Thương tỉnh Lai Châu nhất trí với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP của Chính phủ do Bộ Công Thương soạn thảo.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Sở Công Thương tỉnh Hưng Yên (Công văn số 4321/SCT-QLCN ngày 16/9/2026)	“Sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo nêu trên do Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương soạn thảo.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Sở Công Thương tỉnh Nghệ An (Công văn số 4164/SCT-PTCT ngày 16/9/2026)	“Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ và các văn bản liên quan, Sở Công Thương Nghệ An thống nhất với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi (Công văn số 5942/SCT-QLCN ngày 16/9/2026)	“Qua nghiên cứu, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định nêu trên.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Sở Công Thương tỉnh Gia Lai (Công văn số 4511/SCT-QLCN ngày 10/9/2026)	“Thống nhất với bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai (Công văn số 7718/SXD-HTKT ngày 15/9/2026)	“Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định, theo lĩnh vực quản lý, Sở Xây dựng thống nhất với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau (Công văn số 3611/SCT-CN ngày 11/9/2026)	“[...] Sở Công Thương thống nhất với các nội dung dự thảo nêu trên và không có ý kiến góp ý, bổ sung.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng (Công văn số 5173/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“Qua nghiên cứu, Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng thống nhất với các nội dung dự thảo “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ” được lấy ý kiến.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Bộ Y tế (Công văn số 7010/BYT-PC ngày 16/9/2026)	“Nhất trí về cơ sở pháp lý - chính trị, cơ sở thực tiễn; thành phần hồ sơ, tài liệu thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định và không có ý kiến bổ sung đối với nội dung dự thảo Nghị định.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí.
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Công văn số 10652/BNNMT-PC ngày 16/9/2026)	“[...] sau khi nghiên cứu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường không có ý kiến gì thêm đối với dự thảo Nghị định nêu trên.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận.
	Bộ Dân tộc và Tôn giáo (Công văn số 2885/BDTTG-PC ngày 16/9/2026)	“[...] Bộ Dân tộc và Tôn giáo nhất trí với sự cần thiết xây dựng dự thảo Nghị định nêu trên. Đề nghị quý Bộ rà soát toàn bộ hồ sơ, nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, đúng quy định của pháp luật và quy định về cắt giảm, phân cấp, đơn	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị định theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và đẩy mạnh phân cấp; bổ sung Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ vào cơ sở chính trị, pháp lý tại Mục I dự thảo Tờ trình và Phụ lục rà soát chủ trương,

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giảm hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương tại Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.”	đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Công văn số 8417/NHNN-TD ngày 15/9/2026)	“Qua rà soát, NHNN xét thấy dự thảo Nghị định đề xuất bổ sung thêm 07 nhóm chính sách hỗ trợ mới; sửa đổi về điều kiện được hưởng ưu đãi; sửa đổi về khái niệm, bổ sung nguyên tắc xác định danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; không có nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của NHNN. Do vậy, NHNN không có ý kiến cụ thể đối với hồ sơ dự thảo Nghị định. Đề nghị Bộ Công Thương tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan để hoàn thiện báo cáo Chính phủ.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận và đã tổng hợp đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức tại Bản tổng hợp này để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.
	Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình (Công văn số 5929/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“Sau khi nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến của các đơn vị, Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình cơ bản nhất trí với hồ sơ, Dự thảo Nghị định và có một số ý kiến [...]” (Văn bản này thay thế Công văn số 5909/SCT-CN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình.)	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến cơ bản nhất trí; các ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng dưới đây. Cơ quan chủ trì soạn thảo xác nhận chỉ sử dụng Công văn số 5929/SCT-CN để tổng hợp, không sử dụng Công văn số 5909/SCT-CN đã được thay thế.
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“Sở Công Thương tỉnh Lào Cai nhất trí với sự cần thiết ban hành và phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định; nhất trí với các nội dung: bãi bỏ thành phần hồ sơ về thủ tục pháp lý xây dựng, môi trường tại khoản 3 Điều 11; bãi bỏ điều kiện dự án có ít nhất 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa cung ứng nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện, phụ tùng chính; thu hẹp phạm vi áp dụng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu hoặc tương đương; bổ sung các nhóm chính sách hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí; các ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng dưới đây.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng (Công văn số 4746/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“Đến ngày 14/9/2026, Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng nhận được 40 văn bản góp ý của các Sở, ngành, UBND các xã, phường. Trong đó: 38 văn bản có ý kiến nhất trí với Hồ sơ dự thảo và 02 văn bản có ý kiến góp ý cho Hồ sơ dự thảo. [...] A. HỒ SƠ DỰ THẢO Cơ bản nhất trí với Hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ do Bộ Công Thương xây dựng.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến cơ bản nhất trí; các ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng dưới đây.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Sở Công Thương Phú Thọ cơ bản thống nhất với sự cần thiết và các nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; đồng thời tăng cường cơ chế kiểm tra, hậu kiểm trong quá trình thực hiện. Dự thảo không quy định thủ tục hành chính mới; 02/06 thủ tục hành chính hiện hành được sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản hóa.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến cơ bản thống nhất; các ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng dưới đây.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“Đại học Bách khoa Hà Nội thống nhất cao với sự cần thiết ban hành và định hướng đổi mới căn bản của dự thảo Nghị định: 1. Thể chế hóa kịp thời các chủ trương lớn của Đảng tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kết luận số 18-KL/TW (đặt mục tiêu tăng trưởng hai con số và tỷ lệ nội địa hóa công nghiệp chủ lực đạt 40–45%) và Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. 2. Chuyển đổi mạnh mẽ phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm; bãi bỏ các điều kiện, thủ tục chồng chéo	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến thống nhất; các ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng dưới đây.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		không thuộc thẩm quyền chuyên ngành (giấy phép xây dựng, thủ tục môi trường, điều kiện dự án phải đi vào vận hành) và các rào cản hình thức (yêu cầu hợp đồng với ít nhất 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa). 3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền linh hoạt cho Bộ Công Thương trong việc cập nhật Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển để theo kịp tốc độ biến động của công nghệ và chuỗi cung ứng toàn cầu.”	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (Công văn số 4532/UBND-CTXD ngày 17/9/2026)	“1- Cơ bản thống nhất với các nội dung của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến cơ bản thống nhất; ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại mục tương ứng dưới đây.
	Viện Nghiên cứu Cơ khí (Công văn số 330/NCKK-KTKHCN ngày 16/9/2026)	“[...] sau khi nghiên cứu Viện Nghiên cứu Cơ khí cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến cơ bản thống nhất; các kiến nghị cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng dưới đây.
	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Công văn số 3008/TTTN-HT ngày 14/9/2026)	“1. Nhất trí với bố cục trình bày và thành phần hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ do Cục Công nghiệp chủ trì xây dựng.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí; các ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng dưới đây.
	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Công văn số 1957/ATMT-ATCN ngày 10/9/2026)	“Cục ATMT cơ bản nhất trí đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, tuy nhiên: - Việc xây dựng dự thảo Nghị định cần bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, là bước cụ thể hóa Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý khó khăn, vướng	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội vào cơ sở chính trị, pháp lý tại Mục I dự thảo Tờ trình và Phụ lục rà soát kèm theo Báo cáo tổng kết; đồng thời rà soát toàn bộ dự thảo bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đẩy mạnh phân cấp gắn với cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		mắc do quy định của pháp luật, góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế “2 con số” theo Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, giải phóng nguồn lực cho người dân, doanh nghiệp và các chủ thể kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị;”	kinh doanh theo Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW.
	Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng (Công văn số 5598/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“- Thống nhất nội dung [nội dung] dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/015 [03/11/2015] của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ;”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến thống nhất; ý kiến cụ thể được tiếp thu, giải trình tại mục tương ứng dưới đây.
II. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Về căn cứ ban hành: dự thảo Nghị định còn thể hiện “Căn cứ Luật ...”. Đề nghị rà soát, thể hiện đầy đủ các luật làm căn cứ ban hành Nghị định.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bỏ dòng “Căn cứ Luật ...” và thể hiện đầy đủ các căn cứ ban hành, gồm: Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2026/QH16; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2026/QH16.
	Viện Nghiên cứu Cơ khí (Công văn số 330/NCKK-KTKHCN ngày 16/9/2026)	“- Trong phần căn cứ không để trống nội dung viện dẫn, đề nghị xóa dòng “Căn cứ Luật ...”;”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bỏ dòng “Căn cứ Luật ...” và thể hiện đầy đủ các luật làm căn cứ ban hành Nghị định như nêu tại dòng trên.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“- Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN) nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP nhằm bảo đảm đồng bộ với Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, Luật Xây dựng năm 2025, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và hệ thống pháp luật có liên quan. - Đề nghị xem xét, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 131/2025/QH15) vào phần căn cứ pháp lý ban hành Nghị định.”	Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định. Về đề nghị bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ vào căn cứ ban hành: xin được giải trình không tiếp thu. Theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), phần căn cứ ban hành chỉ viện dẫn văn bản quy định thẩm quyền ban hành và văn bản có quy định trực tiếp được cụ thể hóa trong nội dung văn bản. Dự thảo Nghị định không quy định nội dung nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Sở hữu trí tuệ; nội dung liên quan đến tài sản trí tuệ tại điểm b khoản 3 Điều 14 là quy định kế thừa Nghị định số 111/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến của Quý Bộ về chuẩn hóa thuật ngữ sở hữu trí tuệ tại điểm b khoản 3 Điều 14 (xem mục IX dưới đây).
III. KHOẢN 1 VÀ KHOẢN 2 ĐIỀU 1 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (SỬA ĐỔI KHOẢN 3 ĐIỀU 3; BỔ SUNG ĐIỀU 3a): KHÁI NIỆM, NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ	Bộ Quốc phòng (Công văn số 6858/BQP-CNQP ngày 15/9/2026)	“3. Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung Điều 3a Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/01/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025) quy định: “Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, hiệp hội doanh nghiệp liên quan rà soát, ban hành Danh mục chi tiết sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ trên cơ sở các nhóm ngành, lĩnh vực quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Danh mục chi tiết sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được rà soát, sửa đổi, bổ sung định kỳ trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý toàn diện theo hướng: Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này CHÍNH LÀ “Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định” theo đúng điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ “quy định chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật của các sản phẩm thuộc Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này”. Cụ thể: (i) đổi tên Phụ lục từ “NHÓM NGÀNH, LĨNH VỰC XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN” thành “DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN”; (ii) sửa động từ tại khoản 2 Điều 3a (trước là khoản 3) từ “ban hành Danh mục chỉ

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN		Tuy nhiên, quy định này chưa phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; trong đó: Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.”	tiết” thành “quy định chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật”; (iii) sửa đồng bộ điểm c khoản 1 Điều 14. Phương án này vừa bảo đảm đúng thẩm quyền Luật giao Chính phủ, vừa giữ tính linh hoạt cập nhật theo biến động công nghệ và chuỗi cung ứng.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (Công văn số 13966/UBND-CT ngày 16/9/2026)	“- Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh đoạn: “3. Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, hiệp hội doanh nghiệp liên quan rà soát, ban hành Danh mục chi tiết sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển [...]” thành như sau: “2. Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, hiệp hội doanh nghiệp liên quan rà soát, ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển [...]” Lý do: Điều chỉnh lỗi kỹ thuật đánh số thứ tự khoản; điều chỉnh cụm từ: “Danh mục chi tiết sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển” thành cụm từ “Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển” để đảm bảo tính thống nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị định [...]”	Tiếp thu. Về lỗi đánh số thứ tự khoản: đã chỉnh lý, khoản này được đánh lại thành khoản 2 Điều 3a. Về thuật ngữ: tiếp thu theo hướng bỏ cụm từ “Danh mục chi tiết”, đồng thời chỉnh lý sâu hơn ý kiến góp ý — Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ quy định chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật của các sản phẩm thuộc Danh mục, bảo đảm đúng điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Do Danh mục này là căn cứ trực tiếp xác định đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, trong đó có ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ cơ sở pháp lý và phạm vi giao Bộ trưởng Bộ	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý theo hướng Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định chính là Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định; Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ quy định

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Công Thương ban hành Danh mục chi tiết, bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp về chủ thể quy định Danh mục. Trường hợp tiếp tục phương án này, đề nghị làm rõ trong dự thảo Nghị định và Tờ trình phạm vi nội dung do Chính phủ quy định, phạm vi Bộ trưởng Bộ Công Thương được cụ thể hóa và căn cứ pháp lý của việc giao thẩm quyền, bảo đảm không làm thay đổi nội dung, phạm vi thẩm quyền mà Luật giao Chính phủ.”	chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật. Phạm vi thẩm quyền của Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Công Thương đã được phân định rõ ngay trong quy phạm và được thuyết minh đầy đủ tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“- Bất cập về pháp lý: Khoản 3 Điều 3a dự thảo Nghị định phân cấp thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì rà soát, ban hành Danh mục chi tiết các sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển. Tuy nhiên, tại mục I.3 Phần A Phụ lục II Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ (hướng dẫn chi tiết Luật Đầu tư) lại xác định: “Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ...” là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Sự không thống nhất về thẩm quyền xác định Danh mục giữa hai Nghị định của Chính phủ có thể dẫn đến lúng túng, tranh chấp pháp lý khi doanh nghiệp làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP. - Đề xuất: Căn cứ khoản 5 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung ngay tại Điều khoản thi hành của dự thảo Nghị định nội dung sửa đổi, bổ sung cụm từ tương ứng tại mục I.3 Phần A Phụ lục II Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (thành: “...theo quy định của Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành được phân cấp”) nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất tối cao của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.”	Tiếp thu về bản chất vấn đề, không tiếp thu về giải pháp. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã xử lý triệt để xung đột mà Quý Trường chỉ ra bằng cách chỉnh lý ngay tại nguồn: Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này chính là Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định; Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ quy định chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật. Với phương án này, quy định tại mục I.3 Phần A Phụ lục II Nghị định số 96/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 đều được bảo đảm thống nhất mà không phải sửa đổi Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, qua đó không làm phát sinh nội dung sửa đổi văn bản khác ngoài phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“2. Tại khoản 3 Điều 3a, đề nghị nghiên cứu, quy định theo hướng giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do đây là cơ sở để các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.”	Tiếp thu theo hướng bảo đảm mức độ pháp lý cao hơn đề nghị của Quý Bộ. Điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 quy định Danh mục “do Chính phủ quy định”; việc giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cũng chưa hoàn toàn phù hợp với chủ thể mà Luật đã xác định. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý theo hướng chính Chính phủ quy định Danh mục tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ quy định chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật của các sản phẩm thuộc Danh mục đó.
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Về khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung Điều 3a): các khoản của Điều 3a được đánh số 1 và 3, không có khoản 2. Đề nghị chỉnh lý, bảo đảm thứ tự các khoản liên tục.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý, đánh lại khoản 3 thành khoản 2 Điều 3a, bảo đảm thứ tự các khoản liên tục theo Phụ lục I Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); đồng thời rà soát toàn bộ dẫn chiếu tương ứng tại Tờ trình, Bản so sánh, Bản đánh giá thủ tục hành chính.
	Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng (Công văn số 4746/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ toàn bộ hồ sơ trước khi hoàn thiện, hiện còn một số nội dung chưa thống nhất: Tại Điều 3a dự thảo, sau “khoản 1” chuyển trực tiếp sang “khoản 3”, chưa có khoản 2.”	Tiếp thu. Đã chỉnh lý, đánh lại khoản 3 thành khoản 2 Điều 3a và rà soát toàn bộ hồ sơ để bảo đảm thống nhất số thứ tự khoản, điểm giữa dự thảo Nghị định với Tờ trình, Bản so sánh và Bản đánh giá thủ tục hành chính.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“- Lỗi đánh số thứ tự khoản tại Điều 3a: Khoản 2 Điều 1 Dự thảo bổ sung Điều 3a chỉ có khoản 1 và khoản 3, khuyết thiếu hoàn toàn khoản 2. Đề nghị rà soát và đánh số thứ tự chính xác.”	Tiếp thu. Đã chỉnh lý, đánh lại khoản 3 thành khoản 2 Điều 3a.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“- Điều 3a được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 dự thảo hiện đánh số từ khoản 1 sang khoản 3, không có khoản 2; đề nghị rà soát, đánh số lại cho chính xác.”	Tiếp thu. Đã chỉnh lý, đánh lại khoản 3 thành khoản 2 Điều 3a.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (Công văn số 13966/UBND-CT ngày 16/9/2026)	“- Đề nghị điều chỉnh đoạn: “a) Là nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng phục vụ trực tiếp cho sản xuất, gia công, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này” thành như sau: “a) Là nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng cung cấp cho sản xuất, gia công, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.” Lý do: Bổ sung thêm từ “phụ liệu” và điều chỉnh cụm từ “phục vụ trực tiếp cho” thành cụm từ “cung cấp cho” để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP [...]”	Tiếp thu toàn bộ. Điểm a khoản 1 Điều 3a được chỉnh lý thành: “a) Là nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng cung cấp cho sản xuất, gia công, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực công nghiệp quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này”, bảo đảm thống nhất với định nghĩa công nghiệp hỗ trợ tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP).
	Bộ Quốc phòng (Công văn số 6858/BQP-CNQP ngày 15/9/2026)	“1. Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung cụm từ “quốc gia, công nghiệp quốc phòng” và viết lại nguyên tắc xác định sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thành: “Góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghiệp quốc gia, công nghiệp quốc phòng” (đã được đề cập tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/01/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025). Lý do: - Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm	Tiếp thu. Điểm c khoản 1 Điều 3a được chỉnh lý thành: “c) Góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghiệp quốc gia, công nghiệp quốc phòng.”

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		2030 và những năm tiếp theo đã xác định quan điểm xây dựng nền Công nghiệp quốc phòng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, trong đó phát huy nội lực là yếu tố quyết định; gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn công nghiệp quốc gia. - Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh (bao gồm các sản phẩm lưỡng dụng, sản phẩm phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng). Do đó, công nghiệp hỗ trợ không chỉ là nền tảng cho phát triển công nghiệp quốc gia bền vững, tự chủ, hiện đại mà còn góp phần xây dựng, phát triển CNQP, lưỡng dụng, hiện đại đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.”	
	Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình (Công văn số 5929/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“1. Tại Khoản 2 Điều 1, nội dung Điều 3a: Đề nghị bổ sung nguyên tắc ưu tiên các sản phẩm, linh kiện, vật liệu, thiết bị phục vụ công nghệ cao, công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ điện tử - bán dẫn, công nghệ tự động hóa, công nghệ sinh học - y dược, công nghệ vật liệu mới và các ngành công nghiệp mới nổi; đồng thời có cơ chế cập nhật linh hoạt theo sự thay đổi nhanh của công nghệ.”	Tiếp thu một phần. Về nội dung ưu tiên công nghệ cao, bán dẫn, vật liệu mới: các nhóm sản phẩm này đã được bao quát tại điểm b khoản 1 Điều 3a (“đón đầu xu hướng phát triển mới về công nghệ, thị trường và chuyển dịch chuỗi cung ứng”) và tại Mục VI Danh mục (sản phẩm phục vụ nhóm ngành công nghệ chiến lược, công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ quy định); đồng thời cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung Mục riêng về ngành công nghiệp bán dẫn theo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ (xem mục XII dưới đây). Về cơ chế cập nhật linh hoạt: khoản 2 Điều 3a đã quy định Danh mục được rà soát, sửa đổi, bổ sung định kỳ và Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa, tiêu chí kỹ thuật theo từng thời kỳ; đây chính là cơ chế bảo đảm tính linh hoạt mà không phải sửa đổi Nghị định.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Các tiêu chí trên mang tính định hướng và có phạm vi tương đối rộng. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu cụ thể hóa quy định tiêu chí, phương pháp đánh giá để làm cơ sở thống nhất khi xây dựng, rà soát, điều chỉnh Danh mục; đồng thời nghiên cứu xác định chu kỳ rà soát Danh mục hoặc các trường hợp cần rà soát, điều chỉnh đột xuất, bảo đảm tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo chính sách đối với doanh nghiệp.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung vào khoản 2 Điều 3a nội dung xác định chu kỳ rà soát Danh mục (định kỳ 03 năm một lần) và các trường hợp rà soát, điều chỉnh đột xuất khi có thay đổi về chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội hoặc có biến động lớn về công nghệ, chuỗi cung ứng. Về phương pháp đánh giá tiêu chí: nội dung này mang tính kỹ thuật, biến động nhanh nên được giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết tại Thông tư hướng dẫn (đề cương Thông tư được nêu tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình).
	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Công văn số 1957/ATMT-ATCN ngày 10/9/2026)	“- Việc xây dựng Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cần đảm bảo mục đích nâng cao: Tỷ lệ nội địa hóa; hàm lượng giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu; đóng góp của khu vực doanh nghiệp trong nước; mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung vào điểm b khoản 1 Điều 3a nội dung sản phẩm ưu tiên phát triển phải “góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và hàm lượng giá trị gia tăng tạo ra trong nước, tăng mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam”. Đây là vị trí phù hợp về pháp lý để thể hiện yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa (nguyên tắc xác định Danh mục), thay vì đưa vào điều kiện hưởng ưu đãi tại Điều 11 (xem giải trình tại mục VI dưới đây).
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Về dẫn chiếu Phụ lục: điểm a khoản 1 Điều 3a dẫn chiếu “Phụ lục kèm theo Nghị định này”, trong khi Điều 3a là điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP còn Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định sửa đổi. Đề nghị quy định rõ Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và là Phụ lục của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP. Tại mục VI của Phụ lục, đề nghị dẫn chiếu rõ văn bản của Thủ tướng Chính phủ quy định nhóm ngành công nghệ chiến lược, danh mục công	Tiếp thu toàn bộ. Đây là lỗi kỹ thuật lập quy quan trọng. Cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý theo hướng: (i) khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định rõ Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và là Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP; (ii) các quy phạm được bổ sung vào Nghị định số 111/2015/NĐ-CP dẫn chiếu thống nhất là “Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này”. Về mục VI Danh mục:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nghe cao được ưu tiên đầu tư phát triển và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.”	tiếp thu, dẫn chiếu theo hướng “do Thủ tướng Chính phủ quy định” (đối với công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược) và “do Thủ tướng Chính phủ quy định theo pháp luật về công nghệ cao” (đối với công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao) để bảo đảm ổn định khi các quyết định của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, thay thế.
	Viện Nghiên cứu Cơ khí (Công văn số 330/NCCK-KTKHCN ngày 16/9/2026)	“- Tại Khoản 1, Điều 1 đề cập đến “... lĩnh vực công nghiệp chiến lược ...” nhưng Khoản 2, Điều 1 lại không đề cập đến lĩnh vực công nghiệp chiến lược, đề nghị Tổ soạn thảo cân nhắc, điều chỉnh đồng bộ;”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung cụm từ “công nghiệp chiến lược” vào điểm a khoản 1 Điều 3a để đồng bộ với khái niệm đã sửa đổi tại khoản 3 Điều 3 (khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định); đồng thời Mục VI Danh mục đã có nhóm sản phẩm phục vụ nhóm ngành công nghệ chiến lược.
	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương (Công văn số 1310/CLCS-NCCN ngày 11/9/2026)	“2. Khoản 4 Điều 1 quy định điều kiện Quy trình sản xuất phải có ít nhất một công đoạn được trực tiếp thực hiện tại cơ sở sản xuất làm biến đổi thực chất đặc tính vật liệu, cấu trúc, trạng thái công nghệ, hình học chức năng hoặc công năng của nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm, chi tiết, linh kiện hoặc bộ phận cấu thành: yêu cầu này chưa cụ thể và khó đo lường trong thực tế, cần có tiêu chí đánh giá hoặc yêu cầu kỹ thuật cụ thể.”	Tiếp thu (nội dung này được giải trình tại mục VI dưới đây về điều kiện “công đoạn sản xuất, chế tạo thực chất”).
IV. KHOẢN 3 ĐIỀU 1 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (BỔ SUNG CÁC ĐIỂM VÀO KHOẢN 2 ĐIỀU 10): NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ CỦA	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“+ Dự thảo Nghị định (bổ sung các điểm vào khoản 2 Điều 10): dự thảo sử dụng ký hiệu điểm “ô”, “ơ”, trong khi thứ tự các điểm trong văn bản quy phạm pháp luật được đánh bằng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y. Khoản 2 Điều 10 hiện hành đã quy định đến điểm l. Đề nghị chỉnh lý các điểm bổ sung thành các điểm m, n, o, p, q, r, s và rà soát các nội dung dẫn	Tiếp thu toàn bộ. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý ký hiệu các điểm bổ sung thành m, n, o, p, q, r, s theo đúng bảng chữ cái tiếng Việt dùng cho văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Phụ lục I Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), bỏ hoàn toàn các ký hiệu “ô”, “ơ”; đồng thời rà soát, chỉnh lý toàn bộ dẫn chiếu tương ứng tại dự thảo Tờ trình,

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ		chiều tương ứng tại Tờ trình, Bản so sánh, Bản đánh giá thủ tục hành chính.”	Bản so sánh - thuyết minh, Báo cáo tổng kết, Phụ lục rà soát và Bản đánh giá thủ tục hành chính.
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“+ Dự thảo bổ sung nhiều nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó có các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực công nghệ, quản trị, chất lượng, kết nối cung cầu, phát triển chuỗi cung ứng và thu hút đầu tư; mức hỗ trợ tối đa được quy định 50%, 70% hoặc 100% kinh phí. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể hơn về: (i) Nguyên tắc xác định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa; (ii) Đối tượng, nội dung, điều kiện và phương thức hỗ trợ; (iii) Các khoản chi được ngân sách nhà nước hỗ trợ; (iv) Nguyên tắc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ. Đối với các nội dung quy định mức hỗ trợ tối đa 100% kinh phí, đề nghị làm rõ phạm vi và điều kiện áp dụng, bảo đảm việc hỗ trợ phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực ngân sách nhà nước, để tránh cách hiểu ngân sách nhà nước phải bảo đảm toàn bộ kinh phí thực hiện nhiệm vụ.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đoạn cuối khoản 2 Điều 10 như sau: “Mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản này do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Không hỗ trợ trùng lặp cùng một nội dung, nhiệm vụ đã được hỗ trợ từ chương trình, đề án khác sử dụng ngân sách nhà nước.”. Các nội dung về đối tượng, điều kiện, phương thức hỗ trợ, khoản chi được ngân sách nhà nước hỗ trợ và nguyên tắc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thuộc phạm vi Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành theo điểm d khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhằm giữ Nghị định ở tầng nguyên tắc, bảo đảm tính ổn định của văn bản.
	Bộ Tài chính (Công văn số 14403/BTC-KTN ngày 14/9/2026)	“a) Khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung điểm m, n, o, ô, ơ, p, q khoản 2 Điều 10 Đề nghị Bộ Công Thương rà soát, làm rõ đối tượng, nội dung, điều kiện hỗ trợ, trong đó phân định giữa nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước (nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật) và các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, bảo đảm không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp hiện hành.	Tiếp thu. (i) Về mức hỗ trợ và cấp phê duyệt: bổ sung đoạn cuối khoản 2 Điều 10 quy định “Mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản này do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Không hỗ trợ trùng lặp cùng một nội dung, nhiệm vụ đã được hỗ trợ từ chương trình, đề án khác sử dụng ngân sách nhà nước.”. (ii) Về phân định nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước: tiếp thu, chuyển nội dung “kiểm

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Ngoài ra, dự thảo quy định mức hỗ trợ tối đa từ 50% đến 100% kinh phí, tuy nhiên chưa quy định rõ kinh phí do cấp có thẩm quyền nào xây dựng và phê duyệt. Do đó, đề nghị quy định cụ thể để thuận lợi trong triển khai thực hiện.”	tra, đánh giá định kỳ, báo cáo sơ kết, tổng kết Chương trình” ra khỏi khoản 2 Điều 10 (nội dung chi hỗ trợ) và quy định tại Điều 14 với tính chất là trách nhiệm quản lý Chương trình; đồng thời bổ sung vào điểm quy định về “hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ khác” nội dung “do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính”. (iii) Về trùng lặp: cơ quan chủ trì soạn thảo lập Bảng đối chiếu các nội dung, mức hỗ trợ bổ sung tại khoản 2 Điều 10 với Mục III Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, đưa vào phụ lục dự thảo Tờ trình để chứng minh các nội dung bổ sung nằm trong phạm vi Chương trình đã được phê duyệt, không phát sinh nhiệm vụ chi mới; việc không trùng lặp với các chương trình, chính sách hỗ trợ khác sử dụng ngân sách nhà nước được kiểm soát bằng nguyên tắc quy định tại đoạn cuối khoản 2 Điều 10.
	Bộ Tài chính (Công văn số 14403/BTC-KTN ngày 14/9/2026)	“2. Về đánh giá tác động khi ban hành Nghị định Dự thảo Nghị định bổ sung 07 nhóm chính sách hỗ trợ với mức hỗ trợ từ 50% đến 100% kinh phí tùy theo tính chất từng hoạt động. Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ này có thể phát sinh nhu cầu về kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Căn cứ quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để bảo đảm tính khả thi của chính sách, đề nghị Bộ Công Thương: (i) Rà soát, xác định cụ thể các nhiệm vụ phát sinh, cơ quan thực hiện và nhu cầu nguồn lực để triển khai Nghị định; (ii) Đánh giá khả năng cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện, trong đó làm rõ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, làm rõ tại Mục V dự thảo Tờ trình “Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định”: (i) danh mục nhiệm vụ phát sinh và cơ quan chủ trì thực hiện; (ii) đánh giá khả năng cân đối, bố trí nguồn lực, phân định rõ nguồn ngân sách trung ương (Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp trung ương), ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác, trên cơ sở Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“3. Điều 10 dự thảo Nghị định, đề nghị: - Tại khoản 3: + Bổ sung nội dung báo cáo đánh giá, tổng kết việc triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2017-2025 để làm rõ cơ sở đề xuất bổ sung các nội dung của Chương trình như quy định tại dự thảo Nghị định. + Xem xét việc quy định về mức hỗ trợ tối đa cho các nội dung này tại dự thảo Nghị định. + Xem xét sự phù hợp của nội dung quy định tại điểm p khoản 3 Điều này do đây là nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý chương trình.”	Tiếp thu. (i) Về báo cáo đánh giá, tổng kết Chương trình giai đoạn 2017-2025: bổ sung nội dung đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 vào Mục II Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, làm rõ cơ sở đề xuất các nội dung hỗ trợ mới. (ii) Về mức hỗ trợ tối đa: giữ quy định mức tối đa tại Nghị định (bảo đảm minh bạch, đồng bộ với các điểm a đến l khoản 2 Điều 10 hiện hành) nhưng bổ sung nguyên tắc xác định mức hỗ trợ cụ thể và nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp như đã nêu ở trên. (iii) Về điểm quy định kiểm tra, đánh giá định kỳ, sơ kết, tổng kết Chương trình: tiếp thu, chuyển nội dung này ra khỏi khoản 2 Điều 10 và quy định tại Điều 14 với tính chất là trách nhiệm quản lý Chương trình của Bộ Công Thương.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“- Về nội dung hỗ trợ chuyển đổi số (điểm n khoản 2 Điều 10): Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá mức độ chuyển đổi số, xây dựng lộ trình chuyển đổi số và phát triển sản xuất thông minh đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.”	Tiếp thu. Điểm n khoản 2 Điều 10 được bổ sung nội dung “đánh giá mức độ chuyển đổi số, xây dựng lộ trình chuyển đổi số và phát triển sản xuất thông minh” bên cạnh nội dung đánh giá về công nghệ, quản trị, chất lượng.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“- Về thu thập, cập nhật và khai thác dữ liệu công nghiệp hỗ trợ (điểm o khoản 2 Điều 10): Bổ sung nguyên tắc kế thừa, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu hiện có, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, có khả năng kết nối/chia sẻ với các CSDL liên quan và hạn chế việc yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong hệ thống cơ quan nhà nước.”	Tiếp thu.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số	“- Về bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo giữa các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Đề nghị rà soát cơ chế tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ tại khoản 2 Điều	Tiếp thu. Bổ sung nguyên tắc “Không hỗ trợ trùng lặp cùng một nội dung, nhiệm vụ đã được hỗ trợ từ chương trình, đề án khác sử dụng ngân sách nhà nước” vào đoạn

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	10 theo hướng lồng ghép, kế thừa và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”	cuối khoản 2 Điều 10; đồng thời lập Bảng đối chiếu nội dung khoản 2 Điều 10 với Mục III Quyết định số 929/QĐ-TTg đưa vào phụ lục dự thảo Tờ trình.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“7. Nội dung khác Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định bổ sung điểm o khoản 2 Điều 10, trong đó có nội dung “thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu mua bán sập nhập, nhu cầu nội địa hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và quốc tế phục vụ hoạt động kết nối cung cầu và tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế”. Tuy nhiên, tại Tờ trình, nội dung này được diễn giải theo hướng “xây dựng cơ sở dữ liệu về nhu cầu mua bán sập nhập, nhu cầu nội địa hóa, tiêu chuẩn kỹ thuật của doanh nghiệp dẫn dắt phục vụ kết nối cung - cầu”. Trong khi đó, điểm i khoản 2 Điều 10 Nghị định hiện hành đã quy định việc xây dựng, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu về công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ trong và ngoài nước. Cách thể hiện nêu trên chưa thống nhất giữa Tờ trình và dự thảo Nghị định, đồng thời có thể dẫn đến cách hiểu hình thành thêm một cơ sở dữ liệu riêng. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất cách thể hiện giữa Tờ trình và dự thảo Nghị định.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý Mục IV.3 dự thảo Tờ trình theo đúng câu chữ của quy phạm (“thu thập, cập nhật thông tin...”), bỏ cách diễn đạt “xây dựng cơ sở dữ liệu” để tránh cách hiểu hình thành thêm một cơ sở dữ liệu mới; đồng thời bổ sung vào điểm o khoản 2 Điều 10 nguyên tắc kế thừa, kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu đã được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 10 hiện hành.
	Sở Công Thương thành phố Hà Nội (Công văn số 8837/SCT-VP ngày 15/9/2026)	“a) Về nội dung chi và mức hỗ trợ Đối với các nội dung chi quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể	Tiếp thu. Bổ sung đoạn cuối khoản 2 Điều 10 quy định nguyên tắc xác định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi mức tối đa do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước; nguyên tắc phân định giữa nhiệm vụ quản lý nhà nước và

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nội dung chi, mức chi và phân định rõ theo từng nhóm đối tượng, gồm: - Đơn vị quản lý chương trình, cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước: đề nghị áp dụng mức hỗ trợ 100% theo quy định; - Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia chương trình: đề nghị quy định mức hỗ trợ phù hợp, có tính đến phần kinh phí xã hội hóa của đối tượng thụ hưởng. b) Về mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí Đối với các nội dung quy định mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí, đề nghị làm rõ mức hỗ trợ cụ thể hoặc nguyên tắc xác định mức hỗ trợ, bảo đảm thuận lợi trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.”	hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã được xử lý bằng việc chuyển nội dung kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình sang Điều 14. Nội dung chi, mức chi cụ thể theo từng nhóm đối tượng và phần kinh phí đối ứng của đối tượng thụ hưởng được quy định tại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành và pháp luật về ngân sách nhà nước.
	Sở Công Thương thành phố Hà Nội (Công văn số 8837/SCT-VP ngày 15/9/2026)	“c) Về hỗ trợ phát triển thị trường Đề nghị bổ sung, sửa đổi khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP theo hướng nâng mức hỗ trợ lên 100% kinh phí đối với các hoạt động: tham gia triển lãm, hội chợ trong nước và nước ngoài; chương trình xúc tiến đầu tư; chương trình kết nối giao thương; tiếp cận thông tin thị trường; tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu và tìm kiếm, phát triển thị trường. [...] Đồng thời, đề nghị quy định mức hỗ trợ cho mỗi doanh nghiệp tương ứng từ 02 đến 03 gian hàng khi tham gia các hoạt động triển lãm, hội chợ. d) Về hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo Đề nghị áp dụng mức hỗ trợ 100% kinh phí đối với nội dung tổ chức hội nghị, hội thảo, bảo đảm thống nhất với các quy	Xin được giải trình chưa tiếp thu trong lần sửa đổi này. Lý do: (i) Phạm vi sửa đổi của dự thảo Nghị định được Chính phủ giao tại Công văn số 5845/VPCP-CN ngày 22/6/2026 tập trung vào bảo đảm đồng bộ với Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính và cập nhật Danh mục; việc nâng mức hỗ trợ tại khoản 2 Điều 8 làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách nhà nước, cần được đánh giá tác động về nguồn lực theo ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 14403/BTC-KTN. (ii) Mức hỗ trợ tối đa 70% tại khoản 2 Điều 8 vừa được Chính phủ quy định tại Nghị định số 205/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/9/2025), chưa đủ thời gian thực tiễn để đánh giá sự cần thiết điều chỉnh. (iii) Mức hỗ trợ theo số gian hàng và định mức chi hội nghị, hội thảo là nội dung chi tiết thuộc Quy chế xây dựng,

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị [...]”	quản lý và thực hiện Chương trình và pháp luật về chế độ chi tiêu ngân sách, không phù hợp quy định tại Nghị định. Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến để nghiên cứu khi xây dựng Quy chế Chương trình và trong lần rà soát tổng thể Nghị định tiếp theo.
	Sở Công Thương thành phố Hà Nội (Công văn số 8837/SCT-VP ngày 15/9/2026)	“d) Về nội dung đánh giá công nghệ, quản trị, chất lượng Đối với điểm n mục 3 của dự thảo Nghị định về “đánh giá về công nghệ, quản trị, chất lượng...” và các nội dung có liên quan đến hoạt động đánh giá, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể tiêu chí, phương pháp và tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá; chủ thể thực hiện, thẩm quyền phê duyệt kết quả đánh giá làm căn cứ xác định và thực hiện hỗ trợ, bảo đảm minh bạch, thống nhất trong quá trình triển khai.”	Tiếp thu về nguyên tắc. Tiêu chí, phương pháp, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá và thẩm quyền phê duyệt kết quả đánh giá là nội dung kỹ thuật, thay đổi theo yêu cầu của từng chuỗi cung ứng nên được giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ (điểm d khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định); đề cương nội dung này được nêu tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình để chứng minh tính khả thi.
	Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng (Công văn số 5598/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“- Đồng thời, đề nghị nâng mức hỗ trợ đối với các nội dung xúc tiến thị trường, xúc tiến thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thành: Hỗ trợ xúc tiến thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; hợp tác quốc tế, xúc tiến thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ với mức hỗ trợ tối đa 100% kinh phí.”	Xin được giải trình chưa tiếp thu trong lần sửa đổi này, với cùng lý do đã nêu đối với ý kiến của Sở Công Thương thành phố Hà Nội: nội dung này thuộc điểm a và điểm e khoản 2 Điều 10 hiện hành (mức hỗ trợ tối đa 70%), vừa được Chính phủ quy định tại Nghị định số 205/2025/NĐ-CP, nằm ngoài phạm vi sửa đổi được giao và làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách nhà nước chưa được đánh giá tác động. Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận để nghiên cứu trong lần rà soát tổng thể tiếp theo.
	Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình (Công văn số 5929/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“2. Tại Khoản 3 Điều 1, nội dung Điểm ô khoản 2 Điều 10: Bổ sung hỗ trợ doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp dẫn dắt tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ đánh giá nhà cung ứng Việt Nam, nhằm hình thành chuỗi cung ứng nội địa thay vì chỉ hỗ trợ doanh nghiệp trong nước.”	Tiếp thu. Điểm tương ứng (sau khi chỉnh lý ký hiệu là điểm p khoản 2 Điều 10) đã có nội dung “Khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dẫn dắt trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển chuỗi cung

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			ứng trong nước”; cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung làm rõ các hình thức tham gia gồm “tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ, đánh giá và phát triển nhà cung ứng trong nước”.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Việc bổ sung các nội dung trên là cần thiết, tuy nhiên một số hoạt động có phạm vi rộng, có khả năng chồng chéo với các chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ khác sử dụng ngân sách nhà nước. Quy định theo hướng mở như trên có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau, nhất là đối với các hoạt động có sử dụng ngân sách nhà nước; chưa bảo đảm rõ căn cứ xác định nội dung, phạm vi và mức hỗ trợ khi tổ chức thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định rõ nguyên tắc xác định mức hỗ trợ cụ thể, nội dung chi, điều kiện hỗ trợ, phần kinh phí đối ứng của doanh nghiệp (nếu có) và nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp cùng một nội dung, nhiệm vụ từ các chương trình sử dụng ngân sách nhà nước.”	Tiếp thu. Bổ sung đoạn cuối khoản 2 Điều 10: “Mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa quy định tại khoản này do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án quyết định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Không hỗ trợ trùng lặp cùng một nội dung, nhiệm vụ đã được hỗ trợ từ chương trình, đề án khác sử dụng ngân sách nhà nước.”; đồng thời bổ sung vào điểm quy định về hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ khác nội dung “do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính”.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“+ Xác định rõ phạm vi ủy quyền tại điểm q khoản 2 Điều 10: Điểm q quy định hỗ trợ “Triển khai hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ khác phù hợp với tình hình...”. Đề nghị bổ sung rõ thẩm quyền: “giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết tiêu chí, định mức và nội dung của các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ khác sau khi thống nhất với Bộ Tài chính”, tránh tùy nghi áp dụng khi phân bổ ngân sách.”	Tiếp thu. Điểm này (sau khi chỉnh lý ký hiệu là điểm s khoản 2 Điều 10) được bổ sung cụm từ “với nội dung và mức hỗ trợ tối đa do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính”.
	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương (Công văn số	“1. Khoản 3 Điều 1 bổ sung điểm m, n, o, ô, ơ, p, q vào khoản 2 Điều 10 về nội dung Chương trình phát triển CNHT: có nhiều nội dung trùng lặp với khoản a, b, c, d, đ,	Tiếp thu một phần. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, lập Bảng đối chiếu từng điểm bổ sung (m đến s) của khoản 2 Điều 10 với Mục III Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1310/CLCS-NCCN ngày 11/9/2026)	e, g của Nghị định 205/2025/NĐ-CP. Nghiên cứu, lồng ghép, thay thế nội dung của cả khoản này.”	25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, đưa vào phụ lục dự thảo Tờ trình để chứng minh các nội dung bổ sung là việc quy phạm hóa nhiệm vụ đã được phê duyệt, không trùng lặp về bản chất với các điểm a đến l hiện hành; đồng thời bổ sung nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp cùng một nội dung, nhiệm vụ tại đoạn cuối khoản 2 Điều 10 và chuyển nội dung kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình sang Điều 14. Về đề nghị thay thế toàn bộ khoản 2 Điều 10: xin được giải trình chưa tiếp thu. Việc viết lại toàn bộ khoản 2 Điều 10 vượt quá phạm vi sửa đổi được Chính phủ giao tại Công văn số 5845/VPCP-CN ngày 22/6/2026, đồng thời làm mất tính ổn định của các nội dung hỗ trợ vừa được Chính phủ quy định tại Nghị định số 205/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/9/2025) và đang là căn cứ triển khai Quyết định số 929/QĐ-TTg.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“- Thực tế trong các năm qua cho thấy hạn chế lớn nhất khiến CNHT trong nước còn non yếu là doanh nghiệp thiếu năng lực R&D, không làm chủ được công nghệ nguồn, dẫn đến việc chi quanh quẩn ở phân khúc gia công giá trị thấp. [...] Đề xuất cụ thể tại điểm r khoản 2 Điều 10 sửa đổi, đề nghị bổ sung rõ cụm từ: ...ưu tiên hỗ trợ các chương trình hợp tác nghiên cứu phát triển (R&D), thử nghiệm công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với các cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu trọng điểm”. - Hỗ trợ kinh phí cho các đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu phát triển (R&D), thử nghiệm công nghệ, chế tạo sản phẩm mẫu giữa Doanh nghiệp CNHT và các Cơ sở giáo dục đại	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung điểm r khoản 2 Điều 10 với nội dung: “r) Hỗ trợ hợp tác nghiên cứu phát triển, thử nghiệm công nghệ, chế tạo sản phẩm mẫu và thương mại hóa kết quả nghiên cứu giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu với mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí.”, bảo đảm đồng bộ với nội dung hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ đã quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 hiện hành. Cơ chế để doanh nghiệp đặt hàng nghiên cứu, đo kiểm, phân tích sai hỏng vật liệu từ nguồn kinh phí Chương trình là nội dung tổ chức thực hiện, được quy định tại Quy chế

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		học khối kỹ thuật, Viện nghiên cứu. Đồng thời, cần có cơ chế để doanh nghiệp được sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ của Chương trình để đặt hàng nghiên cứu, đo kiểm, phân tích sai hỏng vật liệu và chuyển giao công nghệ từ các cơ sở giáo dục đại học trong nước.”	xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBC-KHCN ngày 16/9/2026)	“4. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật cao - Báo cáo của Bộ Công Thương chỉ rõ: Lao động ngành CNHT đa số là lao động phổ thông, tình trạng thiếu hụt kỹ sư trưởng, chuyên gia công nghệ, kỹ thuật viên vận hành các hệ thống tự động hóa, robot và khuôn mẫu chính xác đang ở mức báo động. Tại các nội dung hỗ trợ đào tạo của Chương trình phát triển CNHT, đề nghị thiết kế cơ chế hỗ trợ tài chính cho mô hình đào tạo kép (Co-op/Dual Training) giữa doanh nghiệp CNHT và các cơ sở giáo dục đại học, trường nghề kỹ thuật. Trong đó, ngân sách hỗ trợ kinh phí thực hành, cấp bù học bổng cho sinh viên các ngành kỹ thuật nền tảng (cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu mới, tự động hóa, vi mạch điện tử) khi cam kết làm việc cho các doanh nghiệp CNHT nội địa.”	Tiếp thu một phần. Nội dung hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đã được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 hiện hành (mức hỗ trợ tối đa 70% kinh phí). Cơ chế đào tạo kép và cấp bù học bổng cho sinh viên là nội dung chỉ có tính đặc thù, liên quan đến pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và ngân sách nhà nước; cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận đề nghị nghiên cứu khi xây dựng Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và triển khai Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.
V. KHOẢN 4 ĐIỀU 1 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (SỬA ĐỔI KHOẢN 1 VÀ KHOẢN 2 ĐIỀU 11): CÂU DẪN VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC XÁC NHẬN ƯU ĐÃI	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Về khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định: tên khoản thể hiện “Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11” nhưng nội dung gồm cả khoản 1 về đối tượng ưu đãi và khoản 2 về điều kiện xác nhận ưu đãi. Đề nghị sửa thành “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11”.”	Tiếp thu. Câu dẫn khoản 4 Điều 1 được sửa thành “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:”.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng (Công văn số 4746/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“- Tại tên khoản 1 quy định "Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11", tuy nhiên, phần nội dung quy định "1. Đối tượng ưu đãi:" và "2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân...". Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, rà soát chỉnh sửa để đảm bảo thống nhất giữa tên khoản và nội dung sửa đổi, bổ sung.”	Tiếp thu. Câu dẫn khoản 4 Điều 1 được sửa thành “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:”.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (Công văn số 13966/UBND-CT ngày 16/9/2026)	“c) Tại khoản 4 Điều 1: Đề nghị điều chỉnh tiêu đề của khoản 4 “Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau” thành như sau: “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau” Lý do: Nội dung sửa đổi, bổ sung bao gồm cả khoản 1 về đối tượng ưu đãi và khoản 2 về điều kiện được xem xét xác nhận ưu đãi.”	Tiếp thu. Câu dẫn khoản 4 Điều 1 được sửa thành “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:”.
	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Công văn số 3008/TTTN-HT ngày 14/9/2026)	“- Rà soát quy định tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định về sửa đổi Điều 11, do nội dung dự thảo vừa quy định đối tượng ưu đãi vừa quy định điều kiện xác nhận ưu đãi, trong khi nội dung dẫn chiếu chỉ sửa đổi khoản 2 Điều 11; đề nghị bảo đảm thống nhất giữa nội dung sửa đổi và số khoản được sửa đổi.”	Tiếp thu. Câu dẫn khoản 4 Điều 1 được sửa thành “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:”.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“- Lỗi không khớp tiêu đề: Tiêu đề Khoản 4 Điều 1 Dự thảo (và mục 3.2.1 Tờ trình) chỉ ghi "Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11", nhưng nội dung bên dưới lại sửa đổi cả khoản 1 và khoản 2 Điều 11. Cần chỉnh sửa tiêu đề thành: “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:”.”	Tiếp thu. Câu dẫn khoản 4 Điều 1 được sửa thành “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:”; đồng thời chỉnh lý dẫn chiếu tương ứng tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số	“Như vậy, dự thảo đã mở rộng đối tượng được xem xét xác nhận ưu đãi từ dự án đầu tư sang cả doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên,	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo rút lại việc mở rộng đối tượng, giữ đối tượng được xác nhận ưu đãi là “Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	dự thảo Tờ trình chưa thuyết minh rõ sự cần thiết, cơ sở pháp lý và tác động của việc mở rộng đối tượng này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết của việc mở rộng đối tượng ưu đãi; trường hợp tiếp tục quy định doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân là đối tượng ưu đãi thì cần rà soát, bảo đảm tính đồng bộ với các quy định về chính sách ưu đãi, trình tự, thủ tục và các quy định có liên quan, đồng thời thuyết minh rõ tại Tờ trình.”	mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển”. Lý do: (i) khoản 7 Điều 13 và khoản 4 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 sử dụng thuật ngữ “Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”; (ii) Điều 12 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP gắn chính sách ưu đãi với “Dự án”; (iii) việc mở rộng chưa có đánh giá tác động và sẽ kéo theo phải sửa đồng bộ khoản 4, khoản 5 Điều 11, Điều 11a, Điều 12 và toàn bộ biểu mẫu, vượt quá phạm vi vi chỉnh của lần sửa đổi này.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“4. Tại Điều 11: + Khoản 1, việc mở rộng đối tượng ưu đãi (thêm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm) cần có báo cáo đánh giá tác động của chính sách trước khi quy định để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với nguồn lực khi triển khai.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo rút lại việc mở rộng đối tượng, giữ nguyên đối tượng là “Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển”, do đó không phát sinh yêu cầu đánh giá tác động chính sách đối với nội dung này.
	Văn phòng Bộ Công Thương (Công văn số 1588/VP-THCC ngày 10/9/2026)	“2. Dự thảo Nghị định sửa đổi đối tượng thực hiện TTHC tại khoản 4, khoản 6 Điều 1 theo hướng là “doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân”. Tuy nhiên, đối tượng thực hiện TTHC quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 11, Điều 11a Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 205/2025/NĐ-Cp) chưa được sửa đổi tương ứng. Do đó, Văn phòng Bộ đề nghị Cục Công nghiệp rà soát và quy định thống nhất đối tượng thực hiện TTHC tại các điều khoản liên quan của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo rút lại việc mở rộng đối tượng sang “doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân”, giữ đối tượng là “Dự án”; đồng thời chỉnh lý thống nhất chủ thể thực hiện thủ tục hành chính tại khoản 3, điểm d khoản 6 Điều 11 dự thảo Nghị định với khoản 4, khoản 5 Điều 11 và Điều 11a Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP), do đó không còn khoảng trống pháp lý về đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số	“- Bất cập: Dự thảo đã có bước tiến lớn khi mở rộng đối tượng được hưởng ưu đãi từ “dự án đầu tư” sang cả “doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất sản phẩm công	Tiếp thu về bản chất vấn đề. Cơ quan chủ trì soạn thảo xử lý theo hướng rút lại việc mở rộng đối tượng (giữ đối tượng là “Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2797/ĐHKB-KHCN ngày 16/9/2026)	ngành hỗ trợ” (khoản 4, khoản 5 Điều 1 Dự thảo sửa đổi khoản 1 và khoản 3 Điều 11). Tuy nhiên, các quy định về thủ tục tiếp nhận hồ sơ tại Khoản 4 và thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tại Khoản 5 Điều 11 (chưa được sửa đổi) hiện vẫn chỉ quy định quy trình đối với: (i) Doanh nghiệp nhỏ và vừa; (ii) Doanh nghiệp còn lại. Quy định này bỏ ngỏ hoàn toàn quy trình và thẩm quyền giải quyết cho đối tượng là “tổ chức, cá nhân” [...] - Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung đồng bộ khoản 4 và khoản 5 Điều 11 theo hướng quy định rõ nơi nộp hồ sơ và cơ quan thẩm định đối với nhóm đối tượng tổ chức, cá nhân [...], tránh tạo ra khoảng trống pháp lý khiến các chủ thể này không thể nộp đơn.”	trợ”) thay vì sửa đồng bộ khoản 4, khoản 5 Điều 11. Lý do: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (khoản 7 Điều 13, khoản 4 Điều 14) sử dụng thuật ngữ “Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”; việc mở rộng sang tổ chức, cá nhân kéo theo phải sửa đồng bộ khoản 4, khoản 5 Điều 11, Điều 11a, Điều 12 và toàn bộ biểu mẫu, vượt quá phạm vi sửa đổi được Chính phủ giao và chưa có đánh giá tác động. Với phương án chỉnh lý này, khoảng trống pháp lý mà Quý Trường nêu không còn phát sinh.
VI. ĐIỂM b KHOẢN 2 ĐIỀU 11: ĐIỀU KIỆN VỀ CÔNG ĐOẠN SẢN XUẤT, CHẾ TẠO THỰC CHẤT	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương (Công văn số 1310/CLCS-NCCN ngày 11/9/2026)	“2. Khoản 4 Điều 1 quy định điều kiện Quy trình sản xuất phải có ít nhất một công đoạn được trực tiếp thực hiện tại cơ sở sản xuất làm biến đổi thực chất đặc tính vật liệu, cấu trúc, trạng thái công nghệ, hình học chức năng hoặc công năng của nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm, chi tiết, linh kiện hoặc bộ phận cấu thành: yêu cầu này chưa cụ thể và khó đo lường trong thực tế, cần có tiêu chí đánh giá hoặc yêu cầu kỹ thuật cụ thể.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung vào điểm b khoản 2 Điều 11 tiêu chí “vạch rõ”, kiểm chứng được bằng chứng từ, theo nguyên tắc của pháp luật về xuất xứ hàng hóa: công đoạn thực hiện tại cơ sở sản xuất được coi là làm biến đổi thực chất khi đáp ứng một trong các trường hợp: (i) sản phẩm đầu ra có mã số hàng hóa khác mã số hàng hóa của nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm đầu vào ở cấp 4 số; hoặc (ii) thuộc công đoạn gia công, chế tạo do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định. Cách quy định này chuyển việc thẩm định từ phán đoán định tính sang đối chiếu chứng từ (tờ khai nhập khẩu nguyên liệu đối chiếu mã số hàng hóa của sản phẩm đầu ra), bảo đảm đo lường được và thống nhất trong áp dụng.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Quốc phòng (Công văn số 6858/BQP-CNQP ngày 15/9/2026)	“Tuy nhiên, khái niệm “làm biến đổi thực chất” còn mang tính chất định tính; đặc biệt, có thể có sự khác biệt giữa các nhóm ngành, lĩnh vực như hoá chất, dệt may, điện - điện tử... Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp, đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện.”	Tiếp thu. Bổ sung tiêu chí đối chiếu mã số hàng hóa cấp 4 số hoặc thuộc công đoạn gia công, chế tạo do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định; đồng thời bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn tiêu chí kỹ thuật xác định công đoạn biến đổi thực chất theo từng nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng đúng yêu cầu về sự khác biệt giữa các nhóm ngành mà Quý Bộ nêu.
	Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng (Công văn số 4746/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“- Dự thảo quy định quy trình sản xuất phải có ít nhất một công đoạn trực tiếp “làm biến đổi thực chất đặc tính vật liệu, cấu trúc, trạng thái công nghệ, hình học chức năng...” và liệt kê các hoạt động không được coi là sản xuất thực chất (lắp ráp đơn thuần, dán nhãn, nạp phần mềm...). Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định “Hướng dẫn tiêu chí kỹ thuật xác định công đoạn biến đổi thực chất đối với từng nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ”.”	Tiếp thu. Bổ sung vào điểm b khoản 2 Điều 11 nội dung giao Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn tiêu chí kỹ thuật xác định công đoạn biến đổi thực chất theo từng nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ; nội dung này đồng thời là một trong các nội dung của Thông tư hướng dẫn được nêu tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình.
	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Công văn số 3008/TTTN-HT ngày 14/9/2026)	“- Đề nghị quy định chi tiết về tiêu chí xác định “công đoạn sản xuất, chế tạo thực chất” để bảo đảm việc thẩm định, xác nhận ưu đãi được thực hiện thống nhất.”	Tiếp thu. Bổ sung tiêu chí đối chiếu mã số hàng hóa cấp 4 số hoặc thuộc công đoạn gia công, chế tạo do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định; giao Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn tiêu chí kỹ thuật theo từng nhóm ngành.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn PwC (Việt Nam) (Văn bản góp ý ngày 15/9/2026)	“Trong thực tiễn sản xuất, hoạt động lắp ráp không phải lúc nào cũng là công đoạn đơn giản hoặc chỉ mang tính cơ học. Đối với một số ngành như điện tử, ô tô, cơ khí chính xác và công nghệ cao, công đoạn lắp ráp hoặc liên kết có thể yêu cầu dây chuyền chuyên dụng, dung sai kỹ thuật nghiêm ngặt, kiểm soát chất lượng chặt chẽ và chuyên môn kỹ thuật cao. Nếu quy định loại trừ theo tên gọi công đoạn, doanh nghiệp thực hiện hoạt động tạo giá trị gia tăng thực chất tại Việt	Tiếp thu. Điểm b khoản 2 Điều 11 được chỉnh lý theo hướng: (i) không loại trừ mặc nhiên toàn bộ hoạt động lắp ráp, liên kết; bổ sung quy định hoạt động lắp ráp, liên kết được coi là công đoạn sản xuất, chế tạo thực chất nếu chứng minh được đồng thời: sử dụng quy trình, máy móc, thiết bị hoặc bí quyết kỹ thuật chuyên biệt; tạo ra hoặc quyết định đặc tính kỹ thuật, công năng, chất lượng của sản phẩm đầu ra; và tạo giá trị gia tăng thực chất tại Việt

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nam có thể không đủ điều kiện chỉ vì quy trình được mô tả là “lắp ráp”. [...] PwC kiến nghị sửa đổi quy định theo hướng không loại trừ mặc nhiên toàn bộ hoạt động lắp ráp hoặc liên kết. Một số công đoạn lắp ráp, liên kết đòi hỏi công nghệ, độ chính xác và yêu cầu kỹ thuật cao, đồng thời quyết định đặc tính, công năng, hiệu suất hoặc chất lượng của sản phẩm đầu ra. PwC đề xuất bổ sung quy định cho phép hoạt động lắp ráp hoặc liên kết được xem là công đoạn sản xuất, chế tạo thực chất nếu doanh nghiệp chứng minh được rằng công đoạn đó: (i) sử dụng quy trình, máy móc, thiết bị hoặc bí quyết kỹ thuật chuyên biệt; (ii) tạo ra hoặc quyết định đặc tính kỹ thuật, công năng hay chất lượng của sản phẩm đầu ra; và (iii) tạo ra giá trị gia tăng thực chất tại Việt Nam. Đồng thời, để tránh cách hiểu khác nhau trong quá trình triển khai, PwC kiến nghị làm rõ hơn thế nào được xem là biến đổi thực chất đặc tính vật liệu, cấu trúc, trạng thái công nghệ, hình học chức năng hoặc công năng của nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm, chi tiết, linh kiện hoặc bộ phận cấu thành.”	Nam; (ii) làm rõ nội hàm “biến đổi thực chất” bằng tiêu chí đối chiếu mã số hàng hóa cấp 4 số hoặc thuộc công đoạn gia công, chế tạo do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định; (iii) giao Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn tiêu chí kỹ thuật theo từng nhóm ngành.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐH BK-KHCN ngày 16/9/2026)	“Tuy nhiên, đối với các ngành công nghệ cao như bán dẫn, vi điện tử, cơ điện tử chính xác, công đoạn kiểm thử chuyên sâu (advanced testing, burn-in test) hoặc đóng gói bao bì chuyên dụng cấp cao (advanced packaging) đòi hỏi công nghệ rất cao và tạo ra giá trị gia tăng rất lớn. Do đó, cụm từ “nạp, cài đặt, hiệu chỉnh phần mềm; kiểm tra, thử nghiệm” cần được diễn giải rõ ràng là chỉ loại trừ các thao tác “kiểm tra, thử nghiệm đơn thuần mang tính kiểm đếm hoặc cài đặt hệ điều hành/phần mềm thương mại đơn giản”, tránh vô tình	Tiếp thu. Danh sách loại trừ tại điểm b khoản 2 Điều 11 được chỉnh lý thành “kiểm tra, thử nghiệm đơn thuần”, “phân loại, đóng gói thông thường, dán nhãn”; đồng thời dự thảo Thông tư quy định chi tiết làm rõ các công đoạn đóng gói tiên tiến (advanced packaging), kiểm thử vi mạch và đo kiểm tham số chuyên sâu trong lĩnh vực bán dẫn, vi điện tử không thuộc trường hợp “kiểm tra, thử nghiệm đơn thuần”, “đóng gói thông thường”.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		loại trừ các công đoạn kiểm thử vi mạch, đo kiểm tham số quang điện tử chuyên sâu.”	
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“- Về “phần mềm, hệ thống điều khiển” trong Phụ lục (Mục IV - Ngành ô tô): Rà soát quy định để bảo đảm thống nhất với nguyên tắc xác định sản phẩm CNHT (tại Điều 3a) và điều kiện về công đoạn sản xuất, chế tạo thực chất tại Điều 11. Trường hợp tiếp tục xác định phần mềm, hệ thống điều khiển là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, đề nghị làm rõ phạm vi đối với phần mềm, hệ thống điều khiển được nghiên cứu, phát triển, tích hợp phục vụ trực tiếp cho sản phẩm công nghiệp, đồng thời phân biệt với hoạt động chỉ nạp, cài đặt hoặc hiệu chỉnh phần mềm không làm phát sinh giá trị công nghệ, sản xuất thực chất.”	Tiếp thu. Mục IV Danh mục được chỉnh lý thành “Phần mềm, hệ thống điều khiển được nghiên cứu, phát triển, tích hợp phục vụ trực tiếp cho sản xuất, lắp ráp ô tô và phương tiện giao thông vận tải”; đồng thời điểm b khoản 2 Điều 11 giữ nội dung loại trừ hoạt động “nạp, cài đặt, hiệu chỉnh phần mềm” không làm phát sinh biến đổi thực chất, bảo đảm phân biệt rõ như đề nghị của Quý Bộ.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“+ Khoản 2, đề nghị nghiên cứu, bổ sung tiêu chí “tỷ lệ nội địa hóa” vào điều kiện hưởng ưu đãi để thúc đẩy sản xuất trong nước.”	Xin được giải trình không tiếp thu vào điều kiện hưởng ưu đãi tại khoản 2 Điều 11, với ba lý do: (1) Về thẩm quyền: Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 không quy định tiêu chí tỷ lệ nội địa hóa là điều kiện hưởng ưu đãi thuế đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Nghị định đặt thêm điều kiện ngoài quy định của Luật là vượt quá phạm vi ủy quyền. (2) Về tính khả thi: chưa có phương pháp, công cụ thẩm định tỷ lệ nội địa hóa thống nhất, kiểm chứng được bằng hồ sơ, chứng từ đối với từng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; việc áp dụng sẽ làm phát sinh rủi ro pháp lý cho cả doanh nghiệp và cán bộ thẩm định. (3) Về cam kết quốc tế: việc gắn yêu cầu về hàm lượng nội địa với ưu đãi thuế có nguy cơ bị xem là biện pháp

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			đầu tư liên quan đến thương mại bị cấm theo Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs) của WTO và có thể trở thành đối tượng xem xét trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam — đúng cảnh báo của Cục Phòng vệ thương mại tại Công văn số 1083/PVTM-P4 ngày 08/9/2026. Thay vào đó, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu tinh thần đề nghị của Quý Bộ bằng cách đưa yêu cầu nâng cao tỷ lệ nội địa hóa vào hai vị trí an toàn về pháp lý: (i) nguyên tắc xác định Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại điểm b khoản 1 Điều 3a; (ii) tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ (quy định tại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình; nội dung dự kiến của Quy chế được nêu tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình).
	Cục Phòng vệ thương mại (Công văn số 1083/PVTM-P4 ngày 08/9/2026)	“Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình hoàn thiện Nghị định tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là các quy định liên quan đến trợ cấp trong khuôn khổ WTO và các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia; đồng thời hạn chế nguy cơ các chính sách hỗ trợ có thể trở thành đối tượng xem xét trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát toàn bộ cơ chế hỗ trợ, ưu đãi tại dự thảo Nghị định, bảo đảm: (i) các nội dung hỗ trợ tại khoản 2 Điều 10 mang tính chất chung (tư vấn, đào tạo, đánh giá năng lực, thông tin thị trường, nghiên cứu chính sách), không gắn với kết quả xuất khẩu hoặc điều kiện ưu tiên sử dụng hàng nội địa, không thuộc nhóm trợ cấp bị cấm theo Điều 3 Hiệp định SCM; (ii) không đưa tiêu chí “tỷ lệ nội địa hóa” vào điều kiện hưởng ưu đãi tại Điều 11 (xem giải trình đối với ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ nêu trên), nhằm loại trừ rủi ro vi phạm Hiệp định TRIMs. Nội dung đánh giá này được thể hiện tại Mục 3 Phụ lục rà soát chủ trương, đường lối của

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan kèm theo Báo cáo tổng kết.
	Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (Công văn số 1445/CT-TK ngày 14/9/2026)	“1. Luật Cạnh tranh 2018 quy định những nguyên tắc cơ bản như sau: - Doanh nghiệp có quyền tự do cạnh tranh theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm quyền cạnh tranh hợp pháp trong kinh doanh (Điều 5). - Nhà nước phải thực hiện thúc đẩy cạnh tranh, bảo đảm quyền tự do cạnh tranh của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Điều 6). - Cẩm cơ quan nhà nước ép buộc hay khuyến nghị doanh nghiệp, cá nhân thực hiện hoặc không thực hiện giao dịch cụ thể, phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp, ép buộc liên kết hạn chế cạnh tranh hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật (Điều 8). 2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo các tiêu chí hỗ trợ và cơ chế áp dụng các tiêu chí này minh bạch, không gây xung đột với các quy định của Luật Cạnh tranh 2018.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát và bổ sung nội dung đánh giá tính thống nhất với Luật Cạnh tranh năm 2018 vào Mục 2 Phụ lục rà soát kèm theo Báo cáo tổng kết. Đặc biệt, việc bãi bỏ điều kiện “Dự án có ít nhất 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp sản xuất và cung ứng nguyên liệu, vật liệu hoặc linh kiện, phụ tùng chính” tại khoản 2 Điều 11 chính là nhằm chấm dứt tình trạng quy định của Nhà nước can thiệp vào quyền tự chủ lựa chọn đối tác trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, phù hợp với Điều 5 và Điều 8 Luật Cạnh tranh năm 2018. Các tiêu chí xác nhận ưu đãi sau khi chỉnh lý đều là tiêu chí kiểm chứng được bằng hồ sơ, chứng từ (thuộc Danh mục; đối chiếu mã số hàng hóa cấp 4 số; tài liệu chứng minh tiêu chuẩn kỹ thuật), áp dụng thống nhất, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp.
VII. ĐIỂM c KHOẢN 2 VÀ ĐIỂM d KHOẢN 3 ĐIỀU 11: ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ CHỨNG MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA LIÊN MINH	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương (Công văn số 1310/CLCS-NCCN ngày 11/9/2026)	“3. Trường hợp đề nghị xác nhận để hưởng ưu đãi thuế TNDN, đối với sản phẩm CNHT đã sản xuất được trong nước yêu cầu sản phẩm phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu hoặc tương đương (nếu có): yêu cầu này chưa cụ thể tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu, vì vậy thực tế triển khai gặp nhiều vướng mắc. Đề nghị quy định cụ thể tiêu chuẩn tương đương là tiêu chuẩn của tổ chức, thị trường hay quốc gia nào?”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung vào điểm c khoản 2 Điều 11 quy định giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nguyên tắc xác định và danh mục tiêu chuẩn được coi là tương đương với tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu (bao gồm các hệ tiêu chuẩn IEC, ISO, JIS, ASTM, SAE, DIN/EN, TCVN hài hòa và tiêu chuẩn khác theo từng nhóm ngành) — đây chính là việc thực hiện ủy quyền trực tiếp tại điểm c2 khoản 2 Điều 12

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
CHÂU ÂU HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG			Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (“theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương”). Nội dung này trả lời trực tiếp câu hỏi của Quý Viện và là một trong các nội dung của Thông tư hướng dẫn, đề cương được nêu tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình. Đồng thời, bổ sung “van an toàn” cho cụm từ “(nếu có)” của Luật: “Trường hợp không có tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu áp dụng đối với sản phẩm thì không phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm này”; việc xác định trường hợp này thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“- Rà soát thống nhất cách viết “Liên minh châu Âu”, “công nghiệp hỗ trợ”; cách viết hoa tên ngành, sản phẩm; dấu câu, dấu chấm, dấu chấm phẩy trong Phụ lục.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát toàn bộ hồ sơ, thống nhất viết “công nghiệp hỗ trợ” (không viết hoa chữ “Công”) và “Liên minh châu Âu”; chuẩn hóa cách viết hoa tên ngành, sản phẩm và dấu câu tại Danh mục theo Phụ lục I Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn PwC (Việt Nam) (Văn bản góp ý ngày 15/9/2026)	“Trong thực tiễn thị trường, tổ chức chứng nhận nước ngoài thường cấp chứng nhận cho sản phẩm hoàn chỉnh, dòng sản phẩm, cụm sản phẩm hoặc quy trình sản xuất, thay vì cấp riêng cho từng linh kiện hoặc bộ phận cấu thành. Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ vì vậy có thể không có chứng nhận riêng tên sản phẩm đề nghị ưu đãi, dù linh kiện đó được sử dụng trong sản phẩm cuối cùng đáp ứng tiêu chuẩn liên quan. Nếu chỉ chấp nhận chứng nhận riêng cho từng cấu phần, người nộp thuế có thể phải yêu cầu thử nghiệm hoặc chứng nhận lại với chi phí lớn, thời gian kéo	Tiếp thu. Điểm d khoản 3 Điều 11 được bổ sung quy định chấp nhận giấy chứng nhận, chứng thư, kết quả thử nghiệm hoặc tài liệu kỹ thuật của sản phẩm hoàn chỉnh hoặc cụm sản phẩm có chứa linh kiện, bộ phận đề nghị xác nhận, với điều kiện doanh nghiệp chứng minh được mối liên hệ kỹ thuật và phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn đối với linh kiện, bộ phận đó. Đồng thời, điểm e khoản 1 Điều 14 giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định nguyên tắc xác định, danh mục tiêu chuẩn được coi là tương đương và hướng dẫn loại tài liệu được chấp nhận, nguyên tắc xác định mối

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dài, hoặc không thể cung cấp do cơ chế chứng nhận tại thị trường nước ngoài không phát hành loại tài liệu này. PwC kiến nghị bổ sung cơ chế chứng minh linh hoạt, phù hợp với thông lệ chứng nhận quốc tế. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền có thể xem xét chấp nhận giấy chứng nhận, chứng thư, kết quả thử nghiệm hoặc tài liệu kỹ thuật của sản phẩm hoàn chỉnh hoặc cụm sản phẩm có chứa linh kiện, bộ phận đề nghị xác nhận, nếu doanh nghiệp chứng minh được mối liên hệ kỹ thuật và phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn đối với linh kiện, bộ phận đó. PwC đề xuất giao Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể về loại tài liệu được chấp nhận, nguyên tắc xác định mối liên hệ giữa chứng nhận của sản phẩm hoàn chỉnh và cấu phần, cách xử lý trường hợp chỉ có chứng nhận đối với hệ thống sản xuất và tiêu chí xác định tiêu chuẩn tương đương.”	liên hệ giữa chứng nhận của sản phẩm hoàn chỉnh và cấu phần.
	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài (Công văn số 3038/TNN-TH ngày 11/9/2026)	“Tại khoản 3 Điều 11, điểm đ2, về thành phần hồ sơ cho phép trường hợp chưa có giấy chứng nhận hoặc chứng thư chứng minh sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu hoặc tương đương có thể dùng bản cam kết của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận về việc sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu. Đối với quy định này, đề nghị cân nhắc nghiên cứu thêm về quy trình hậu kiểm chi tiết đối với các trường hợp xác nhận ưu đãi dựa trên Bản cam kết đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của EU.”	Tiếp thu toàn bộ. Cơ quan chủ trì soạn thảo xử lý theo hai hướng đồng thời: (1) Siết chặt chính điểm đ khoản 3 Điều 11: bản cam kết phải kèm theo kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận theo ISO/IEC 17025 đối chiếu với tiêu chuẩn cụ thể, hoặc văn bản xác nhận của doanh nghiệp dẫn dắt là khách hàng; không chấp nhận bản cam kết không có tài liệu chứng minh kèm theo. (2) Bổ sung quy trình hậu kiểm tại Điều 11b: bổ sung nguyên tắc quản lý rủi ro, bổ sung nội dung kiểm tra “sự phù hợp giữa quy trình sản xuất thực tế với hồ sơ đã được xác nhận và việc duy trì các điều kiện quy định tại khoản

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			2 Điều 11”, và quy định ưu tiên kiểm tra đối với các trường hợp được xác nhận trên cơ sở Bản cam kết quy định tại điểm đ2 khoản 3 Điều 11. Đồng thời, Điều 11c được bổ sung căn cứ thu hồi Giấy xác nhận ưu đãi khi qua hậu kiểm phát hiện sản phẩm không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật đã cam kết, và quy định doanh nghiệp bị thu hồi có trách nhiệm kê khai, nộp lại các khoản ưu đãi đã hưởng không đúng quy định theo pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.
VIII. KHOẢN 5 VÀ KHOẢN 6 ĐIỀU 1 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (KHOẢN 3 VÀ ĐIỂM d KHOẢN 6 ĐIỀU 11): THÀNH PHẦN HỒ SƠ, BIỂU MẪU VÀ TRÌNH TỰ THẨM ĐỊNH	Bộ Tài chính (Công văn số 14403/BTC-KTN ngày 14/9/2026)	“b) Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 Đối với các thông tin có thể khai thác tại các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đề nghị Bộ Công Thương rà soát, cân nhắc không quy định trong thành phần hồ sơ để giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.”	Tiếp thu.
	Văn phòng Bộ Công Thương (Công văn số 1588/VP-THCC ngày 10/9/2026)	“3. Khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 3 Điều 11 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP theo hướng không quy định mẫu các thành phần hồ sơ của TTHC. Do đó, Văn phòng Bộ đề nghị Cục Công nghiệp rà soát tính cần thiết và bổ sung tại dự thảo quy định giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết các biểu mẫu của TTHC nếu cần.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung vào điểm i khoản 1 Điều 14 nội dung giao Bộ trưởng Bộ Công Thương “quy định biểu mẫu hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi, hồ sơ đề nghị điều chỉnh, cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi, mẫu Giấy xác nhận ưu đãi và biểu mẫu báo cáo...”; đồng thời khoản 2 Điều 3 bổ sung việc bãi bỏ Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP để tránh tình trạng biểu mẫu treo. Biểu mẫu được quy định tại Thông tư quy định chi tiết (dự thảo gửi kèm hồ sơ), có hiệu lực đồng thời với Nghị định; Bộ Công Thương xây

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			dựng biểu mẫu điện tử tương tác tương ứng trên Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (Công văn số 13966/UBND-CT ngày 16/9/2026)	“đ) Tại khoản 2 Điều 3: Đề nghị điều chỉnh thành như sau: “2. Nghị định này bãi bỏ khoản 4 Điều 10 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP; Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP.” Lý do: Dự thảo Nghị định có quy định bãi bỏ Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, chưa đề cập đến việc bãi bỏ Phụ lục III kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP. Trong khi đó, các mẫu Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 của Phụ lục III áp dụng cho hồ sơ cấp giấy xác nhận ưu đãi quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP đã được lược bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của dự thảo Nghị định. Ngoài ra, tại khoản 7 dự thảo Nghị định cũng đã giao trách nhiệm cho Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện xác nhận ưu đãi (trong đó có các biểu mẫu), hậu kiểm ưu đãi [...]”	Tiếp thu toàn bộ. Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định được chỉnh lý bổ sung việc bãi bỏ Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP; đồng thời bổ sung vào điểm i khoản 1 Điều 14 nội dung giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu hồ sơ và Giấy xác nhận ưu đãi, bảo đảm không tạo khoảng trống về biểu mẫu khi Nghị định có hiệu lực.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn PwC (Việt Nam) (Văn bản góp ý ngày 15/9/2026)	“Quy định hiện hành đã có thời hạn tổng thể 30 ngày và thời hạn tối đa 45 ngày đối với hồ sơ phức tạp. PwC kiến nghị bổ sung quy định xác nhận rằng việc lấy ý kiến chuyên gia phải được thực hiện trong thời hạn giải quyết hồ sơ 30 ngày hoặc thời hạn tối đa 45 ngày đối với hồ sơ phức tạp theo điểm đ khoản 6 Điều 11. Trường hợp áp dụng thời hạn 45 ngày, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thông báo gia hạn theo quy định hiện hành và nêu rõ việc cần lấy ý kiến chuyên gia là một trong các căn cứ gia hạn. PwC đồng thời đề xuất quy định rõ tiêu chí lựa chọn chuyên gia hoặc cơ quan chuyên môn, phạm vi nội dung lấy ý kiến,	Tiếp thu toàn bộ. Điểm d khoản 6 Điều 11 được chỉnh lý theo hướng: (i) nâng cơ chế “lấy ý kiến chuyên gia” thành căn cứ pháp lý để thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định xác nhận ưu đãi, giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thành phần, quy chế hoạt động; (ii) quy định rõ việc lấy ý kiến chuyên gia, Hội đồng tư vấn thẩm định phải được thực hiện trong thời hạn giải quyết hồ sơ 30 ngày, hoặc 45 ngày đối với hồ sơ phức tạp theo điểm đ khoản 6 Điều 11, không làm phát sinh thêm thời hạn. Tiêu chí lựa chọn chuyên gia, phạm vi nội dung lấy ý kiến, trách nhiệm bảo mật thông tin và thời hạn phản hồi nội bộ được quy

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trách nhiệm bảo mật thông tin, thời hạn phản hồi nội bộ, nhưng không làm thay đổi thời hạn tổng thể đã được quy định.”	định tại quy chế hoạt động của Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“- Tại khoản 6 Điều 1, cụm từ “cơ quan thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến chuyên gia thẩm định hồ sơ” đề nghị sửa thành “cơ quan có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến chuyên gia thẩm định hồ sơ”.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý cụm từ “cơ quan thẩm quyền” thành “cơ quan có thẩm quyền” tại điểm d khoản 6 Điều 11.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“+ Chuẩn hóa thuật ngữ: Tại điểm d khoản 6 Điều 11 (Khoản 6 Điều 1 Dự thảo), cần thay thế cụm từ “cơ quan thẩm quyền” bằng cụm từ chuẩn mực pháp lý: “cơ quan có thẩm quyền”.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý cụm từ “cơ quan thẩm quyền” thành “cơ quan có thẩm quyền” tại điểm d khoản 6 Điều 11.
IX. KHOẢN 10 VÀ KHOẢN 11 ĐIỀU 1 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (KHOẢN 7 VÀ KHOẢN 8 ĐIỀU 1 DỰ THẢO GỬI LẤY Ý KIẾN - ĐIỀU 14): TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (Công văn số 13966/UBND-CT ngày 16/9/2026)	“d) Tại khoản 7 Điều 1: Đề nghị điều chỉnh đoạn: “e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng; [...]” thành như sau: “e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng; xây dựng và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia về nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế; [...]” Lý do: Bổ sung thêm từ “phụ liệu” để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP [...]”	Tiếp thu toàn bộ. Đã bổ sung từ “phụ liệu” vào điểm e khoản 1 Điều 14 tại cả hai vị trí, bảo đảm thống nhất với định nghĩa công nghiệp hỗ trợ tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP).

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“5. Điều 14 dự thảo Nghị định: - Liên quan đến điểm b khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định: Để bảo đảm rõ ràng, khả thi khi tổ chức thực hiện và thống nhất với hệ thống thuật ngữ của Luật Sở hữu trí tuệ, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung nêu trên theo hướng cụ thể hơn, ví dụ: “hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đăng ký xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm, quy trình công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ”, thay cho cách diễn đạt chung “bảo hộ tài sản trí tuệ” hiện nay; đồng thời sử dụng thống nhất thuật ngữ “quyền sở hữu trí tuệ”, “đối tượng sở hữu công nghiệp” theo đúng quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.”	Tiếp thu. Điểm b khoản 3 Điều 14 được chỉnh lý, thay cụm từ “bảo hộ tài sản trí tuệ” bằng “hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đăng ký xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm, quy trình công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ”, sử dụng thống nhất thuật ngữ theo Luật Sở hữu trí tuệ.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“+ Lỗi diễn đạt lặp từ: Khoản 8 Điều 1 Dự thảo (sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 14) có cụm từ: “...xây dựng nguyên tắc xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với các tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương”. Đề nghị bỏ cụm từ “hoặc tương đương” ở cuối để tránh trùng lặp cú pháp.” (Nội dung nêu tại mục II.5 Công văn của Đại học Bách khoa Hà Nội; Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ nêu cùng nội dung tại mục 2.4 về thể thức, kỹ thuật trình bày.)	Tiếp thu. Đã bỏ cụm từ “hoặc tương đương” ở cuối điểm b khoản 3 Điều 14, chỉnh lý thành “...xây dựng nguyên tắc xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu;”.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“+ Lỗi diễn đạt lặp từ: Khoản 8 Điều 1 Dự thảo (sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 14) có cụm từ: “...xây dựng nguyên tắc xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với các tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương”. Đề nghị bỏ cụm từ “hoặc tương đương” ở cuối để tránh trùng lặp cú pháp.”	Tiếp thu. Đã bỏ cụm từ “hoặc tương đương” ở cuối điểm b khoản 3 Điều 14.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
X. KHOẢN 12 ĐIỀU 1 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (KHOẢN 9 ĐIỀU 1 DỰ THẢO GỬI LÁY Ý KIẾN - KHOẢN 3 ĐIỀU 15): TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Về khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi khoản 3 Điều 15): đề nghị bổ sung quy định về trình tự, thành phần hồ sơ và thời hạn Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt các chương trình, kế hoạch, đề án của địa phương có sử dụng nguồn kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp trung ương; bổ sung nguyên tắc ưu tiên bố trí kinh phí cho các địa phương miền núi, biên giới, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, chưa cân đối được ngân sách địa phương. Đề nghị rà soát cụm từ “trình Hội đồng nhân dân phê duyệt” bảo đảm thống nhất với pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương; sửa tên Điều 15 thành “Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”. ”	Tiếp thu một phần. (i) Về trình tự, thành phần hồ sơ, thời hạn Bộ Công Thương phê duyệt đề án của địa phương và nguyên tắc ưu tiên bố trí kinh phí cho địa phương miền núi, biên giới, khó khăn: tiếp thu về nguyên tắc; đây là nội dung quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình nên được quy định tại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành (điểm d khoản 1 Điều 14), tham khảo mô hình Chương trình khuyến công quốc gia; đề cương nội dung này được nêu tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình. (ii) Về cụm từ “trình Hội đồng nhân dân phê duyệt”: xin được giải trình giữ nguyên. Đây là quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP), phù hợp với thẩm quyền quyết định dự toán ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo pháp luật về ngân sách nhà nước; dự thảo Nghị định không sửa đổi nội dung này. (iii) Về tên Điều 15: tên Điều 15 của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP đã là “Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”; cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh lý lại cách ghi tên Điều 15 tại Bản so sánh, thuyết minh cho đúng.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, phân định rõ các nội dung, nhiệm vụ được bố trí từ nguồn chi thường xuyên và các nội dung, nhiệm vụ đủ điều kiện bố trí vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư	Tiếp thu về nguyên tắc. Việc phân định nội dung, nhiệm vụ bố trí từ nguồn chi thường xuyên và nguồn vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công; dự thảo Nghị định giữ nguyên cách thể hiện hiện hành tại khoản 3 Điều 15

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công, tránh khó khăn trong quá trình lập, thẩm định, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí tại địa phương. Đồng thời, đề nghị làm rõ tiêu chí, điều kiện, trình tự và nguyên tắc bố trí kinh phí từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp trung ương đối với các chương trình, kế hoạch, đề án do địa phương đề xuất, bảo đảm minh bạch và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.”	để không chồng lấn với pháp luật chuyên ngành. Tiêu chí, điều kiện, trình tự, nguyên tắc bố trí kinh phí từ Chương trình cấp trung ương đối với đề án do địa phương đề xuất được quy định tại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.
	Sở Công Thương tỉnh An Giang (Công văn số 4202/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“1. Đề nghị xem xét, điều chỉnh khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ như sau: Căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách địa phương thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tại địa phương từ nguồn ngân sách chi thường xuyên; chịu trách nhiệm xây dựng trình Bộ Công Thương phê duyệt các chương trình, kế hoạch, đề án có sử dụng nguồn kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp trung ương; chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.”	Xin được giải trình không tiếp thu việc bỏ cụm từ “và chi đầu tư công”. Khoản 3 Điều 15 hiện hành (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP) đã quy định nguồn thực hiện Chương trình tại địa phương gồm cả “nguồn ngân sách chi thường xuyên và chi đầu tư công”; việc bỏ nguồn chi đầu tư công sẽ thu hẹp khả năng bố trí nguồn lực của địa phương, đặc biệt đối với đầu tư Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại địa phương theo khoản 7 Điều 15. Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu phần còn lại của ý kiến: nội dung “chịu trách nhiệm xây dựng trình Bộ Công Thương phê duyệt các chương trình, kế hoạch, đề án có sử dụng nguồn kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp trung ương” đã được thể hiện tại dự thảo và được làm rõ thêm về trình tự tại Quy chế Chương trình.
	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Công văn số 3008/TTTTN-HT ngày 14/9/2026)	“- Tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo cân nhắc sử dụng cơ quan phê duyệt là “Hội đồng nhân dân” để đảm bảo đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp mà các văn bản năm 2026 đang áp dụng.”	Xin được giải trình giữ nguyên quy định hiện hành “trình Hội đồng nhân dân phê duyệt”. Theo pháp luật về ngân sách nhà nước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cơ quan quyết định dự toán ngân sách địa phương; quy định này đã có tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			CP) và vẫn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã đều tổ chức Hội đồng nhân dân). Dự thảo Nghị định không sửa đổi nội dung này; phần bổ sung tại khoản 12 Điều 1 dự thảo Nghị định (khoản 9 Điều 1 dự thảo gửi lấy ý kiến) chỉ là trách nhiệm xây dựng, trình Bộ Công Thương phê duyệt đề án sử dụng kinh phí Chương trình cấp trung ương.
	Sở Công Thương tỉnh An Giang (Công văn số 4202/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“2. Đề nghị xem xét quy định bãi bỏ khoản 7 điểm c khoản 13 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (Không thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ tại địa phương, chỉ thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ cấp vùng).”	Xin được giải trình không tiếp thu. Lý do: (i) Quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP) không bắt buộc địa phương thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp mà quy định theo hướng tùy nghi: “Căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp và nguồn lực của địa phương, đầu tư phát triển Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại địa phương trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị hiện có”; địa phương không có nhu cầu hoặc không cân đối được nguồn lực thì không phải thành lập. (ii) Việc bãi bỏ quy định này nằm ngoài phạm vi sửa đổi được Chính phủ giao tại Công văn số 5845/VPCP-CN ngày 22/6/2026 và sẽ làm mất công cụ hỗ trợ kỹ thuật tại các địa phương có nhu cầu. Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến đề nghị nghiên cứu trong lần rà soát tổng thể tiếp theo.
XI. ĐIỀU 2 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH: XỬ LÝ CHUYÊN TIẾP	Bộ Tài chính (Công văn số 14403/BTC-KTN ngày 14/9/2026)	“c) Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “Trường hợp doanh nghiệp đã nộp đơn đề nghị hỗ trợ, ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp nộp lại	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hồ sơ theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt theo quy định” Đề nghị Bộ Công Thương rà soát, đánh giá lại nội dung này để đảm bảo hạn chế phát sinh thêm thủ tục hành chính mới.”	duyet; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ.”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10.
	Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh (Công văn số 2611/SCT-QLCN ngày 11/9/2026)	“- Tại khoản 2 Điều 2 về Xử lý chuyển tiếp, đề nghị xem xét sửa đổi quy định “Trường hợp doanh nghiệp đã nộp đơn đề nghị hỗ trợ, ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp nộp lại hồ sơ theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt theo quy định” theo hướng trường hợp hồ sơ đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính và thể hiện tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước.”	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ.”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn PwC (Việt Nam) (Văn bản góp ý ngày 15/9/2026)	“Doanh nghiệp đã nộp hồ sơ theo đúng quy định tại thời điểm nộp thường đã phát sinh đáng kể thời gian và chi phí để chuẩn bị tài liệu, dịch thuật, chứng thực, giải trình kỹ thuật và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền. Về thực tiễn, nhiều tài liệu trong hồ sơ cũ vẫn còn giá trị và chỉ một số nội dung cần cập nhật. Việc buộc nộp lại toàn bộ hồ sơ có thể gây trùng lặp thủ tục, và doanh nghiệp có thể mất quyền lợi do Danh mục hoặc điều kiện áp dụng thay đổi trong thời gian cơ quan nhà nước đang xử lý.	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ.”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		PwC kiến nghị đối với các hồ sơ đã nộp nhưng chưa được phê duyệt tính đến ngày Nghị định mới ra đời, không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ đã được nộp hợp lệ trước ngày Nghị định có hiệu lực. Thay vào đó, cơ quan có thẩm quyền có thể cân nhắc tiếp tục xử lý hồ sơ và chỉ yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu hoặc thông tin còn thiếu theo quy định mới, nếu thực sự cần thiết.”	phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10.
	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương (Công văn số 1310/CLCS-NCCN ngày 11/9/2026)	“4. Tại Điều 2 về Xử lý chuyển tiếp quy định trường hợp doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành nhưng chưa được cơ quan thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp nộp lại hồ sơ theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt theo quy định: Nghiên cứu, xem xét lại do quy định này có khả năng gây khó khăn, tăng thủ tục, hồ sơ cho doanh nghiệp. Đề nghị sửa trường hợp này theo nguyên tắc doanh nghiệp có quyền lựa chọn giữ hồ sơ cũ, tiếp tục được giải quyết theo quy định tại thời điểm tiếp nhận; hoặc lựa chọn áp dụng quy định mới và bổ sung, cập nhật tài liệu cần thiết.”	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10. Về đề nghị cho doanh nghiệp quyền lựa chọn tiếp tục áp dụng quy định tại thời điểm tiếp nhận: xin được giải trình không tiếp thu. Việc áp dụng đồng thời hai bộ điều kiện (cũ và mới) đối với các hồ sơ cùng được giải quyết sau ngày Nghị định có hiệu lực sẽ tạo ra sự không bình đẳng giữa các doanh nghiệp và khó khăn cho công tác thẩm định. Phương án chỉnh lý nêu trên đã bảo đảm doanh nghiệp không phải nộp lại hồ sơ, đồng thời được hưởng ngay các quy định thông thoáng hơn của Nghị định mới.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Công văn số 3008/TTTN-HT ngày 14/9/2026)	“- Cân nhắc xem xét về quy định chuyển tiếp đối với hồ sơ đã được tiếp nhận nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm Nghị định có hiệu lực, theo hướng bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và hạn chế việc phải nộp lại hồ sơ.”	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ.”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10.
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Về Điều 2. dự thảo Nghị định: khoản 2 quy định doanh nghiệp nộp lại hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Đề nghị sửa theo hướng cơ quan có thẩm quyền thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung tài liệu còn thiếu theo quy định mới, không phải nộp lại toàn bộ hồ sơ.”	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ.”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Đề nghị nghiên cứu chỉnh lý theo hướng đối với hồ sơ đã được tiếp nhận trước ngày Nghị định có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị; trường hợp cần đáp ứng yêu cầu theo quy định mới thì yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện những tài liệu, thông tin	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cần thiết, không yêu cầu nộp lại toàn bộ hồ sơ. Đồng thời, đề nghị quy định rõ nguyên tắc áp dụng đối với hồ sơ chuyển tiếp để bảo đảm thống nhất, thuận lợi trong tổ chức thực hiện.” (Nội dung này được Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ nêu tại cả mục 1.5 và mục 1.7 Công văn.)	sơ.”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“- Bất cập: Dự thảo quy định trường hợp doanh nghiệp đã nộp đơn đề nghị ưu đãi trước ngày Nghị định có hiệu lực nhưng chưa được cấp phép thì “phải nộp lại hồ sơ theo quy định tại Nghị định này”. Quy định này gây thiệt thòi rất lớn cho doanh nghiệp đã hoàn tất hồ sơ hợp pháp theo quy định cũ, làm tăng gánh nặng tuân thủ và vi phạm nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo khoản 1 Điều 55 Luật Ban hành VBQPPL cũng như tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2026 về cải thiện môi trường kinh doanh. Đặc biệt khi dự thảo mới đặt thêm tiêu chí siết chặt về chế tạo thực chất và điều kiện ưu đãi thuế TNDN. - Đề xuất: Đề nghị chỉnh lý theo hướng: + Cho phép doanh nghiệp được lựa chọn: tiếp tục áp dụng quy định tại thời điểm nộp hồ sơ, HOẶC nộp bổ sung/cập nhật tài liệu theo Nghị định mới để được hưởng ngay các cơ chế thông thoáng hơn; + Tuyệt đối không buộc doanh nghiệp phải thực hiện lại thủ tục từ đầu đối với những tài liệu, chứng từ đã được cơ quan nhà nước tiếp nhận hợp lệ.”	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định được chỉnh lý thành: “...cơ quan có thẩm quyền tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu đã tiếp nhận còn giá trị và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hoặc cập nhật tài liệu theo quy định tại Nghị định này để được xem xét, phê duyệt; không yêu cầu doanh nghiệp nộp lại toàn bộ hồ sơ.”. Đồng thời bổ sung nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ mới tại khoản 2 Điều 10. Về đề nghị cho doanh nghiệp quyền lựa chọn tiếp tục áp dụng quy định tại thời điểm nộp hồ sơ: xin được giải trình không tiếp thu, với lý do như đã giải trình đối với ý kiến của Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương nêu trên.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn PwC (Việt Nam)	“Các nội dung bổ sung tại các điểm m, n, o, ô, ơ, p và q có phạm vi rộng, bao gồm hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp,	Tiếp thu. Bổ sung vào khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định nguyên tắc: doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(Văn bản góp ý ngày 15/9/2026)	hoạt động thu thập dữ liệu và kết nối thị trường, hợp tác với đối tác nước ngoài, hoàn thiện chính sách, cũng như kiểm tra và đánh giá Chương trình. Trên thực tế, doanh nghiệp đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi và đang hoạt động thường là nhóm phát sinh nhu cầu thực tế về chuyển đổi xanh, nâng cấp công nghệ, cải thiện quản trị, đáp ứng tiêu chuẩn của khách hàng và mở rộng chuỗi cung ứng. PwC kiến nghị bổ sung nguyên tắc chung xác nhận rằng doanh nghiệp, dự án đã được cấp Giấy xác nhận ưu đãi trước ngày Nghị định có hiệu lực và vẫn đang hoạt động và được hưởng ưu đãi thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ tại các điểm m, n, o, ô và q, với điều kiện đáp ứng tiêu chí của từng chương trình. Việc tiếp cận hỗ trợ không nên phụ thuộc vào thời điểm cấp Giấy xác nhận ưu đãi, trừ trường hợp chương trình cụ thể có mục tiêu hoặc điều kiện riêng được quy định rõ.”	nhận ưu đãi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động vẫn thuộc phạm vi được xem xét tham gia các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 10, nếu đáp ứng điều kiện của từng nội dung hỗ trợ.
XII. ĐIỀU 3 DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ XỬ LÝ DẪN CHIẾU SAU KHI BÃI BỎ PHỤ LỤC	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“- Dự thảo bãi bỏ toàn bộ Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP (để thay thế bằng Danh mục do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành). Tuy nhiên, các điều khoản khác tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định 205/2025/NĐ-CP) vẫn đang trực tiếp dẫn chiếu đến "Phụ lục I và Phụ lục II" (ví dụ: Điều 6c về hỗ trợ kiểm định, thử nghiệm; Điều 8 về chính sách xúc tiến thương mại, phát triển thị trường...). - Đề xuất: Bổ sung điều khoản quét sửa đổi toàn bộ các cụm từ viện dẫn “thuộc Phụ lục I, Phụ lục II” trong toàn bộ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP thành “thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành”, tránh tình trạng chính sách hỗ trợ thử	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định, thay thế cụm từ “quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này” tại khoản 2 Điều 6a, Điều 6b, Điều 6c và cụm từ “quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này” tại Điều 8 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP) bằng cụm từ “ban hành kèm theo Nghị định này”. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát toàn bộ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP theo Văn bản hợp nhất số 31/VBHN-BCT ngày 04/8/2025: ngoài các vị trí nêu trên, dẫn chiếu Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III chỉ còn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11 (đã được sửa đổi toàn bộ), điểm a khoản 2 Điều 11a và khoản 1 Điều

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nghiệm, thị trường bị vô hiệu lực do thiếu văn bản dẫn chiếu.”	11d (được xử lý tại khoản 4 Điều 3); Mẫu số 04 Phụ lục III không được dẫn chiếu tại điều, khoản nào. Lưu ý về kỹ thuật: do phương án chính sách đã được chỉnh lý theo hướng Danh mục do Chính phủ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (không phải do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành), cụm từ thay thế được thể hiện như trên thay vì theo đúng câu chữ Quý Trường đề xuất; cụm từ được thay thế cũng được xác định đúng theo câu chữ hiện hành (“quy định tại Phụ lục I...” để câu văn sau khi thay thế không bị lặp cụm từ “thuộc Danh mục”.
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“Đề nghị quy định rõ Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và là Phụ lục của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.”	Tiếp thu. Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định được chỉnh lý, quy định rõ Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và là Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (Phụ lục II, Phụ lục III được bãi bỏ); đồng thời bổ sung điều khoản thay thế cụm từ xử lý các dẫn chiếu như nêu ở dòng trên.
XIII. DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN (PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH)	Bộ Quốc phòng (Công văn số 6858/BQP-CNQP ngày 15/9/2026)	“2. Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát các ngành, lĩnh vực xác định sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển và bổ sung 02 ngành vào Phụ lục dự thảo Nghị định: “Công nghiệp tàu thủy”; “Công nghiệp quốc phòng”; cụ thể: “VII. NGÀNH CÔNG NGHIỆP TÀU THUỶ - Các loại vật tư chính: Thép, nhôm, vật liệu PPC, composite, cao su. - Vật tư van, ống, nội thất, sơn tàu, cáp điện; trang thiết bị mặt boong (xích neo, tời neo, tời cô dây...); trang thiết bị hệ	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung 02 mục vào Danh mục ban hành kèm theo Nghị định theo đúng nội dung Quý Bộ đề nghị, với thứ tự mục được sắp xếp lại sau khi bổ sung đồng thời mục về ngành công nghiệp bán dẫn theo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, để tránh cách hiểu nhầm, cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình: sản phẩm thuộc ngành ngoài phạm vi điểm c1 và điểm c2 khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 vẫn thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		động lực (động cơ diesel, bơm, quạt...); các khí tài hàng hải, thông tin liên lạc... VIII. NGÀNH CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG - Vật tư kỹ thuật bao gồm các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, chi tiết, cụm chi tiết, bán thành phẩm, thiết bị, phụ tùng, phương tiện dùng cho hoạt động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hóa, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.”.	phát triển và được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư, đất đai và các nội dung của Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhưng không đương nhiên được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“1. Đề nghị bổ sung riêng 01 mục vào Phụ lục dự thảo Nghị định, nội dung cụ thể như sau: “Mục VII. NGÀNH CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN - Nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số.” Việc bổ sung ngành công nghiệp bán dẫn thuộc nhóm ngành, lĩnh vực xác định sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển nêu trên là cần thiết, khả thi và có đầy đủ căn cứ pháp lý: [...] (ii) Cụ thể hóa các định hướng, chính sách ưu đãi của Luật Công nghiệp công nghệ số đối với công nghiệp bán dẫn, trong đó Điều 39 quy định về nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển và Điều 40 quy định dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư [...]”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung mục riêng về ngành công nghiệp bán dẫn vào Danh mục ban hành kèm theo Nghị định theo đúng nội dung Quý Bộ đề nghị. Thứ tự các mục được sắp xếp lại do đồng thời bổ sung 02 mục về ngành công nghiệp tàu thủy và ngành công nghiệp quốc phòng theo ý kiến của Bộ Quốc phòng.
	Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh (Công văn số	“- Tại mục IV Phụ lục về nhóm ngành, lĩnh vực xác định sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển (kèm theo dự thảo Nghị định), đề nghị xem xét sửa nhóm ngành “Ngành	Tiếp thu. Mục IV Danh mục được sửa tên thành “NGÀNH SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI”.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2611/SCT-QLCN ngày 11/9/2026)	sản xuất, lắp ráp ô tô” thành “Ngành sản xuất, lắp ráp ô tô và phương tiện giao thông vận tải”. Lý do: Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã chỉ đạo “tập trung nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như năng lượng, hạt nhân, cơ khí chế tạo, luyện kim, vận tải đường sắt, đóng tàu, vật liệu mới, hoá chất, công nghệ số, sinh học, công nghiệp phụ trợ gắn với tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu”. Do đó, việc mở rộng phạm vi tên nhóm ngành “Ngành sản xuất, lắp ráp ô tô và phương tiện giao thông vận tải” sẽ đảm bảo tính bao quát, không bỏ sót các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ vận tải đường sắt, đóng tàu và phương tiện giao thông công cộng xanh (xe buýt điện, tàu điện đô thị).”	Lưu ý: sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phương tiện giao thông vận tải ngoài ô tô thuộc Danh mục và được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư, đất đai và Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhưng không đương nhiên được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điểm c2 khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (chỉ áp dụng đối với 05 ngành do Luật xác định). Nội dung này được làm rõ tại Mục IV.3 dự thảo Tờ trình.
	Viện Nghiên cứu Cơ khí (Công văn số 330/NCKK-KTKHCN ngày 16/9/2026)	“- Đề nghị bổ sung “Hệ thống lái (Steering System)” vào Tiểu mục “IV. Ngành sản xuất, lắp ráp ô tô” của phần Phụ lục.”	Tiếp thu. Bổ sung “hệ thống lái” vào nhóm các hệ thống tại Mục IV Danh mục ban hành kèm theo Nghị định.
	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương (Công văn số 1310/CLCS-NCCN ngày 11/9/2026)	“5. Về Phụ lục Nhóm ngành, lĩnh vực xác định sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Đối với ngành dệt may (và da giày), xem xét nhóm nguyên liệu, phụ liệu, phụ kiện ngành dệt may do đã bao hàm cả nhóm xơ, sợi, vải, chỉ,... Đối với ngành điện tử, xem xét bổ sung nhóm linh kiện, chi tiết làm từ nhựa kỹ thuật. Đối với các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao, xem xét bổ sung “phục vụ cho nhóm ngành công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược”. ”	Tiếp thu. (i) Mục I và Mục II Danh mục được rà soát, chỉnh lý để tránh trùng lặp giữa nhóm “xơ, sợi, vải, chỉ” (“đa muối, da thuộc, vải giả da, chỉ”) và nhóm nguyên liệu, phụ liệu, phụ kiện: nhóm sau được thể hiện là “Nguyên liệu, phụ liệu, phụ kiện khác của ngành dệt may”, “Nguyên liệu, phụ liệu, phụ kiện khác của ngành da giày”. (ii) Bổ sung “linh kiện, chi tiết làm từ nhựa kỹ thuật” vào Mục III (ngành điện tử). (iii) Mục VI được chỉnh lý, bổ sung cụm từ “và sản phẩm công nghệ chiến lược” để bao quát đầy đủ theo đề nghị của Quý Viện.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Về Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung nhóm ngành công nghiệp hóa chất, luyện kim và vật liệu mới vào các nhóm ngành, lĩnh vực xác định sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, phù hợp với định hướng phát triển các ngành công nghiệp nền tảng nêu tại Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. Tỉnh Lào Cai có ngành khai thác, chế biến sâu khoáng sản (apatit, đồng, sắt, graphit, đất hiếm) và công nghiệp hóa chất tập trung tại Khu công nghiệp Tăng Loóng, có khả năng cung cấp nguyên liệu, vật liệu đầu vào cho sản xuất linh kiện điện tử, pin, nam châm và sản phẩm phục vụ ngành sản xuất, lắp ráp ô tô. Việc bổ sung nhóm ngành nêu trên tạo cơ sở để đưa các sản phẩm này vào Danh mục chi tiết sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.”	Tiếp thu một phần. Các sản phẩm hóa chất, luyện kim, vật liệu mới sử dụng làm nguyên liệu, vật liệu đầu vào cho sản xuất linh kiện điện tử, pin, nam châm và sản phẩm phục vụ ngành sản xuất, lắp ráp ô tô đã thuộc phạm vi các mục hiện có của Danh mục: Mục III (“Vật liệu để sản xuất linh kiện điện tử”), Mục V (“Thép chế tạo; thép dụng cụ; hợp kim đặc biệt có độ bền cao; vật liệu gốm, sứ kỹ thuật; kim loại bột cho công nghiệp chế tạo máy”), Mục IV (“Vật liệu thể hệ mới”) và Mục VI (“Các vật liệu tiên tiến, thể hệ mới”). Cơ quan chủ trì soạn thảo không bổ sung nhóm ngành riêng vì công nghiệp hóa chất, luyện kim là ngành sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, không phải ngành sử dụng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo định nghĩa tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP; việc xác định cụ thể các sản phẩm nêu trên sẽ được thực hiện khi Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết mô tả sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số 2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	“- Tại Mục III (Ngành Điện tử), Mục V (Cơ khí chế tạo) và Mục VI (CNHT cho công nghệ cao) tại Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định, Đại học Bách khoa Hà Nội đề xuất bổ sung thêm một số phân nhóm công nghệ mới đang có nhu cầu rất lớn nhưng Việt Nam đang hoàn toàn phụ thuộc nhập khẩu. - Công nghiệp bán dẫn và vi điện tử: Bổ sung rõ hóa chất độ tinh khiết siêu cao (electronic-grade chemicals/gases), vật liệu nền (substrates, wafers), khuôn đúc vỏ vi mạch bán dẫn, linh kiện thử nghiệm vi mạch. - Cơ khí chính xác và giao thông xanh: Bổ sung vật liệu hợp kim siêu nhẹ, vật liệu composite chịu nhiệt cho phương tiện	Tiếp thu một phần. Các nhóm sản phẩm bán dẫn, vi điện tử được bao quát tại mục mới về ngành công nghiệp bán dẫn bổ sung theo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ; các nhóm vật liệu tiên tiến, thiết bị lưu trữ năng lượng, cơ cấu chấp hành tiên tiến, cảm biến chuyên dụng thuộc phạm vi Mục IV, Mục V và Mục VI Danh mục hiện hành. Về mức độ chi tiết: theo phương án chỉnh lý, Danh mục ban hành kèm theo Nghị định quy định ở cấp nhóm sản phẩm; mô tả chi tiết sản phẩm, mã số hàng hóa và tiêu chí kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định theo từng thời kỳ. Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận đầy đủ các phân nhóm Quý Trường đề xuất để đưa vào nội dung

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giao thông chạy điện, linh kiện và thiết bị chuyển đổi điện năng công suất cao, thiết bị lưu trữ năng lượng (pin thể rắn, cell pin thể hệ mới). - Robot và tự động hóa: Bổ sung hộp giảm tốc độ chính xác cao (harmonic/cycloid drives), động cơ bước, cảm biến lực/mô-men đa trục chuyên dùng cho cánh tay robot công nghiệp.”	Thông tư quy định chi tiết, bảo đảm cập nhật kịp thời mà không phải sửa đổi Nghị định.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (Công văn số 4532/UBND-CTXD ngày 17/9/2026)	“2- Một số nội dung đề xuất: Nghị định cần quy định cụ thể các chính sách ưu đãi đầu tư đối với các địa bàn có lợi thế về: Đất đai, GPMB, dự địa về nguồn năng lượng tái tạo... để kêu gọi đầu tư tổ hợp các dự án về công nghiệp hỗ trợ nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nhất nguồn lực quốc gia như: Công nghiệp vật liệu bán dẫn wafer từ cát silic (SiO₂); Data center, công nghiệp cơ khí chế tạo phục vụ cho ngành năng lượng tái tạo điện gió điện mặt trời...”	Tiếp thu một phần. Về ưu đãi theo địa bàn: chính sách ưu đãi đầu tư theo địa bàn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP; Điều 12 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP dẫn chiếu áp dụng theo pháp luật chuyên ngành, Nghị định này không quy định riêng để tránh chồng chéo. Về nhóm sản phẩm: vật liệu bán dẫn (wafer) đã được bao quát tại mục mới về ngành công nghiệp bán dẫn; linh kiện, phụ tùng cơ khí chế tạo phục vụ năng lượng tái tạo thuộc Mục V và Mục VI Danh mục.
XIV. Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số 5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“- Dự thảo Tờ trình Chính phủ: khoản 3 mục III thể hiện nội dung đánh giá thủ tục hành chính về đăng ký hành nghề thẩm định giá và cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, không thuộc phạm vi dự thảo Nghị định. Khoản 2 mục IV thể hiện “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP”, chưa thống nhất với tên gọi và Điều 1 của dự thảo Nghị định. Đề nghị rà soát, chỉnh lý.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã viết lại toàn bộ khoản 3 Mục III dự thảo Tờ trình, bỏ hoàn toàn nội dung về “Đăng ký hành nghề thẩm định giá và Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá” (đây là nội dung bị sót từ hồ sơ dự thảo văn bản khác), thay bằng nội dung đánh giá tác động đúng 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; đồng thời rà soát toàn bộ Mục III để cập nhật số liệu thực tế về quá trình lấy ý kiến. Về khoản 2 Mục IV: tiếp thu, chỉnh lý thành “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ”, thống nhất với tên gọi và Điều 1 của dự thảo Nghị định.
	Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng (Công văn số 4746/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“II. VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH 1. Tại PHẦN III quá trình xây dựng dự thảo Nghị định: Tại trang 6 mục 3. Thực hiện đánh giá tác động của TTHC là “Đăng ký hành nghề thẩm định giá và cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá”, nội dung này không liên quan đến lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. 2. Tại PHẦN IV phần bố cục ghi Điều 1 là “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP”, trong khi dự thảo Nghị định xác định tại Điều 1 là “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP như sau:”. Đề nghị thống nhất cách dẫn chiếu.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã viết lại toàn bộ khoản 3 Mục III dự thảo Tờ trình, bỏ hoàn toàn nội dung về “Đăng ký hành nghề thẩm định giá và Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá” (đây là nội dung bị sót từ hồ sơ dự thảo văn bản khác), thay bằng nội dung đánh giá tác động đúng 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; đồng thời rà soát toàn bộ Mục III để cập nhật số liệu thực tế về quá trình lấy ý kiến. Về khoản 2 Mục IV: tiếp thu, chỉnh lý cách dẫn chiếu thống nhất với Điều 1 dự thảo Nghị định.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Nội dung về đăng ký hành nghề thẩm định giá, cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định về phát triển công nghiệp hỗ trợ, có dấu hiệu còn sót nội dung của hồ sơ dự thảo văn bản khác. Đề nghị rà soát, chỉnh sửa toàn bộ nội dung này, xác định đúng các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc phát sinh từ dự thảo Nghị định và cập nhật kết quả đánh giá tác động thủ tục hành chính tương ứng.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã viết lại toàn bộ khoản 3 Mục III dự thảo Tờ trình, bỏ hoàn toàn nội dung về “Đăng ký hành nghề thẩm định giá và Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá” (đây là nội dung bị sót từ hồ sơ dự thảo văn bản khác), thay bằng nội dung đánh giá tác động đúng 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; đồng thời rà soát toàn bộ Mục III để cập nhật số liệu thực tế về quá trình lấy ý kiến.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“2.2. Về xác định văn bản được sửa đổi, bổ sung Tại khoản 2 Mục IV dự thảo Tờ trình xác định bố cục: “Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP”. Trong khi Điều 1 dự thảo Nghị định xác định đối tượng sửa đổi là Nghị định số 111/2015/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP. Đề nghị chỉnh sửa khoản 2 Mục IV Tờ trình để thống nhất với tên gọi và phạm vi sửa đổi của dự thảo Nghị định, tránh cách hiểu dự thảo Nghị định lần này trực tiếp sửa đổi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP.”	Tiếp thu. Khoản 2 Mục IV dự thảo Tờ trình được chỉnh lý thống nhất với tên gọi và phạm vi sửa đổi của dự thảo Nghị định.
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“2.3. Về thuyết minh một số chính sách mới Đề nghị tiếp tục hoàn thiện phần thuyết minh tại Mục IV Tờ trình, trong đó tập trung làm rõ hơn: cơ sở pháp lý và phạm vi giao Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục chi tiết sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sự cần thiết và tác động của việc mở rộng đối tượng ưu đãi từ dự án đầu tư sang doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; phương án xử lý hồ sơ chuyển tiếp và chi phí tuân thủ phát sinh đối với doanh nghiệp. Đồng thời, đối với các số liệu, nhận định định lượng được sử dụng làm căn cứ đánh giá chính sách, đề nghị rà soát, bổ sung nguồn số liệu hoặc tài liệu chứng minh để bảo đảm tính đầy đủ, thuyết phục của hồ sơ trình Chính phủ. Chẳng hạn, Tờ trình nêu mức lãi suất vay của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước từ 8-10%/năm so với 1-3%/năm của doanh nghiệp FDI nhưng chưa thể hiện rõ nguồn, cơ sở xác định số liệu tại phần nội dung dự thảo.”	Tiếp thu. (i) Mục IV.3 dự thảo Tờ trình được viết lại đầy đủ theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, làm rõ cơ sở pháp lý và phạm vi thẩm quyền của Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Công Thương đối với Danh mục. (ii) Nội dung mở rộng đối tượng ưu đãi đã được rút lại, không còn phải thuyết minh. (iii) Phương án xử lý hồ sơ chuyển tiếp đã được chỉnh lý theo hướng không yêu cầu nộp lại toàn bộ hồ sơ và được thuyết minh rõ. (iv) Rà soát số liệu về mức lãi suất vay của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại chú thích của Tờ trình, Báo cáo tổng kết; nguồn số liệu được bổ sung tại chú thích trước khi trình Chính phủ.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Tài chính (Công văn số 14403/BTC-KTN ngày 14/9/2026)	“a) Về cơ sở chính trị, pháp lý: Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 8/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề ra mục tiêu “Tỉ lệ nội địa hoá trung bình trong các ngành công nghiệp chủ lực đạt từ 45 - 50%; phần đầu có khoảng 10.000 doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có khoảng từ 500 - 1.000 nhà cung ứng cấp I”, đồng thời chỉ đạo “Xây dựng và triển khai chương trình quốc gia phát triển nhà cung ứng trong nước”. Do vậy, đề nghị Bộ Công Thương rà soát, nghiên cứu bổ sung Nghị quyết số 10-NQ/TW vào mục cơ sở chính trị của dự thảo Tờ trình Chính phủ.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vào Mục I.1.1 “Cơ sở chính trị” dự thảo Tờ trình (kèm nguyên văn hai nội dung Quý Bộ trích dẫn), đồng thời bổ sung vào Mục I Phụ lục rà soát chủ trương, đường lối của Đảng kèm theo Báo cáo tổng kết.
	Bộ Tài chính (Công văn số 14403/BTC-KTN ngày 14/9/2026)	“b) Về khó khăn, vướng mắc: Dự thảo đánh giá vướng mắc đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa “Các chính sách về thuế, đất đai, tín dụng hiện nay chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút các dự án FDI quy mô lớn hoặc khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa nâng cấp công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030”. Tuy nhiên, Bộ Công Thương chưa phân tích, đánh giá cụ thể các chính sách hiện hành đối với việc thu hút các dự án FDI quy mô lớn. Do đó, chưa có cơ sở nhận định về mức độ hấp dẫn của chính sách trong thu hút FDI quy mô lớn. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương rà soát lại nội dung nêu trên để đảm bảo tính chính xác.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nhận định tại Mục I.2 dự thảo Tờ trình và Mục II.3 Báo cáo tổng kết theo hướng chỉ nêu những khó khăn, vướng mắc có dẫn chứng, số liệu cụ thể trong tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với công nghiệp hỗ trợ; bỏ nhận định mang tính khái quát về mức độ hấp dẫn của chính sách trong thu hút dự án đầu tư nước ngoài quy mô lớn do chưa có phân tích, đánh giá định lượng kèm theo.
	Bộ Tài chính (Công văn số 14403/BTC-KTN ngày 14/9/2026)	“d) Ý kiến tham gia khác Quy định hiện hành về ưu đãi tín dụng cho các dự án về công nghiệp hỗ trợ thực hiện theo Nghị định số 78/2023/NĐ-CP	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, đối chiếu Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tại dự thảo Nghị định với danh mục dự án được vay vốn

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngày 07/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước, cụ thể: Dự án đầu tư thuộc danh mục các ngành công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được xem xét, vay vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương rà soát lại danh mục các Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được hưởng ưu đãi (trong đó có ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước) tại dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất.”	tín dụng đầu tư của Nhà nước tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 78/2023/NĐ-CP) và bổ sung nội dung đánh giá tính thống nhất này vào Mục 2 Phụ lục rà soát kèm theo Báo cáo tổng kết. Với phương án chỉnh lý (Danh mục do Chính phủ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định), dẫn chiếu tại các văn bản về tín dụng đầu tư của Nhà nước được bảo đảm thống nhất.
XV. Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ BÀN SO SÁNH, THUYẾT MINH	Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng (Công văn số 4746/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“III. VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO TỔNG KẾT 1. Tại PHẦN II Kết quả thực hiện. Tại trang 5, mục 2. ghi “Kết quả thi hành Nghị định số 164/2018/NĐ-CP”, không thống nhất với đối tượng tổng kết, đề nghị sửa lại thành: “Kết quả thi hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP”. 2. Tại PHẦN II Kết quả thực hiện. Tại trang 9, mục 3. ghi “Ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành Nghị định số 164”, không đúng với nội dung tại Báo cáo này đề nghị sửa lại thành: “ Ưu điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP”.”	Tiếp thu toàn bộ. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã sửa cả hai tiêu đề mục tại Phần II Báo cáo tổng kết theo đúng đề nghị của Quý Sở, bỏ hoàn toàn các dẫn chiếu “Nghị định số 164/2018/NĐ-CP” và “Nghị định số 164” (là nội dung bị sót từ hồ sơ dự thảo văn bản khác); đồng thời rà soát toàn bộ Báo cáo tổng kết để bảo đảm không còn dẫn chiếu sai.
	Sở Công Thương tỉnh Lào Cai (Công văn số	“- Bàn so sánh, thuyết minh: số thứ tự các khoản của Điều 1 chưa thống nhất với dự thảo Nghị định, trong đó nội dung sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 11 được thể hiện là khoản 5	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, đánh số lại toàn bộ các khoản của Điều 1 tại Bản so sánh, thuyết minh

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	5708/SCT-CN ngày 14/9/2026)	nhưng dự thảo Nghị định thể hiện là khoản 6. Đề nghị rà soát.”	cho thống nhất với dự thảo Nghị định; đồng thời chỉnh lý tên gọi Phụ lục và tên Điều 15 tại Bản so sánh cho đúng.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 7085/BKHCN-CNCNTT ngày 15/9/2026)	“+ Bổ sung nội dung báo cáo đánh giá, tổng kết việc triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2017-2025 để làm rõ cơ sở đề xuất bổ sung các nội dung của Chương trình như quy định tại dự thảo Nghị định.”	Tiếp thu. Bổ sung nội dung đánh giá kết quả triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ vào Mục II.2 Báo cáo tổng kết, làm cơ sở đề xuất các nội dung hỗ trợ bổ sung tại khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định.
	Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình (Công văn số 5929/SCT-CN ngày 14/9/2026)	“3. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung: Tại trang 9 dự thảo Tờ trình, trang 15 và trang 20 Bản so sánh, thuyết minh và trang 4 Bản đánh giá thủ tục hành chính: Đề nghị rà soát, chỉnh sửa cách diễn đạt liên quan đến thủ tục đăng ký môi trường cho phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hồ sơ dự thảo hiện sử dụng các cách diễn đạt như “Giấy phép/Đăng ký môi trường (do cơ quan quản lý Tài nguyên và Môi trường cấp)” và “thẩm định, phê duyệt... đăng ký môi trường”. Đăng ký môi trường không phải là giấy phép và không thực hiện theo cơ chế cấp, thẩm định, phê duyệt như giấy phép môi trường. Đề nghị sử dụng thống nhất cách diễn đạt theo hướng: “thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”	Tiếp thu toàn bộ. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý cách diễn đạt tại dự thảo Tờ trình, Bản so sánh - thuyết minh và Bản đánh giá thủ tục hành chính thành “thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”; đồng thời cập nhật tên cơ quan “Bộ Tài nguyên và Môi trường” thành “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” trong toàn bộ hồ sơ.
XVI. Ý KIẾN VỀ BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ CÔNG	Văn phòng Bộ Công Thương (Công văn số 1588/VP-THCC ngày 10/9/2026)	“1. Qua rà soát, Văn phòng Bộ nhận thấy dự thảo Nghị định quy định sửa đổi, bổ sung đối với các thủ tục hành chính (TTHC), bao gồm: (i) Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã lập bổ sung Biểu mẫu số 02/ĐGTD-SĐBS (đánh giá tác động thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung) và Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM (đánh giá tác động về chi phí tuân thủ) theo Phụ lục III

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; (ii) Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cục Công nghiệp đã thực hiện tổng hợp đánh giá tác động đối với các TTHC nói trên tại “Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”. Tuy nhiên, hồ sơ dự thảo Nghị định còn thiếu đánh giá tác động TTHC theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP. Do đó, Văn phòng Bộ đề nghị Cục Công nghiệp rà soát và bổ sung đánh giá tác động TTHC theo Biểu mẫu số 02/ĐGTD-SĐBS và Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM Phụ lục III Thông tư số 26/2025/TT-BTP.”	Thông tư số 26/2025/TT-BTP đối với 02 thủ tục hành chính: mã 1.001304 (cấp Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền Bộ Công Thương) và mã 1.001158 (cấp Giấy xác nhận ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) theo Quyết định số 179/QĐ-BCT ngày 26/01/2026 của Bộ Công Thương; các biểu mẫu này được đưa vào hồ sơ gửi thẩm định kèm theo Bản đánh giá thủ tục hành chính.
	Văn phòng Bộ Công Thương (Công văn số 1588/VP-THCC ngày 10/9/2026)	“4. Điều 15 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP) quy định “Quyết định công bố thủ tục hành chính của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định này phải được ban hành chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành”. Do đó, trên cơ sở hiệu lực thi hành của văn bản quy phạm quy định về TTHC, Văn phòng Bộ đề nghị Cục Công nghiệp lưu ý xây dựng và ban hành Quyết định công bố TTHC để đảm bảo quy định về thời gian ban hành nêu trên tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tính toán mức hiệu lực thi hành của Nghị định tại khoản 1 Điều 3 bảo đảm khoảng thời gian cần thiết để xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày Nghị định có hiệu lực, theo đúng Điều 15 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP); nội dung này được thể hiện tại Mục II.1 Bản đánh giá thủ tục hành chính.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
XVII. Ý KIẾN VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ	Bộ Quốc phòng (Công văn số 6858/BQP-CNQP ngày 15/9/2026)	“5. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi về vốn tín dụng cho các doanh nghiệp tham gia phát triển công nghiệp hỗ trợ để giải quyết một số vướng mắc, khó khăn đã được Cơ quan soạn thảo xác định tại dự thảo Tờ trình (các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng; các cơ chế về ưu đãi tín dụng đầu tư, ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, đặc biệt là phân bổ nguồn lực để triển khai các chính sách về công nghiệp hỗ trợ chưa được cụ thể hóa) và phù hợp với một số chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh, đa dạng hoá nguồn vốn nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp quốc gia, công nghiệp quốc phòng; trong đó: Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định có chính sách ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại để dành cho doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng.”	Tiếp thu đề báo cáo, xin ý kiến Chính phủ. Đây là nội dung có ý kiến khác nhau và vượt quá phạm vi vi chỉnh của lần sửa đổi này, cụ thể: (1) Về sự cần thiết: cơ quan chủ trì soạn thảo thống nhất với đánh giá rằng khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng là điểm nghẽn lớn nhất của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; nội dung này đã được nêu tại Mục I.2 dự thảo Tờ trình và Mục II Báo cáo tổng kết. (2) Về thẩm quyền và tính khả thi: chính sách hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng chịu sự điều chỉnh của pháp luật về ngân sách nhà nước, các tổ chức tín dụng, tín dụng đầu tư của Nhà nước; việc bổ sung một điều, khoản mới về cấp bù lãi suất vào Nghị định này đòi hỏi đánh giá tác động đầy đủ về nguồn lực và ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời phải bảo đảm không thuộc nhóm trợ cấp bị cấm theo Hiệp định SCM của WTO như cảnh báo của Cục Phòng vệ thương mại. (3) Hướng xử lý: cơ quan chủ trì soạn thảo đưa nội dung này vào Mục VI dự thảo Tờ trình (những vấn đề xin ý kiến) và phần kiến nghị của Báo cáo tổng kết, kèm hai phương án xử lý (bổ sung vào dự thảo Nghị định hoặc giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, đề xuất tại văn bản riêng), để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công văn số	“Đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định cơ chế hỗ trợ bù lãi suất cho các khoản vay thương mại trung và dài hạn của doanh nghiệp CNHT đầu tư mới dây chuyền máy móc hiện đại phục vụ các sản phẩm thuộc Danh mục ưu tiên phát triển.	Tiếp thu đề báo cáo, xin ý kiến Chính phủ. Đây là nội dung có ý kiến khác nhau và vượt quá phạm vi vi chỉnh của lần sửa đổi này, cụ thể:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2797/ĐHBK-KHCN ngày 16/9/2026)	Bổ sung cơ chế bảo lãnh tín dụng bằng tài sản hình thành từ vốn vay hoặc bằng hợp đồng cung ứng dài hạn ký với doanh nghiệp dẫn dắt (đầu chuỗi), khắc phục triệt để tình trạng doanh nghiệp CNHT thiếu tài sản thế chấp truyền thống.”	(1) Về sự cần thiết: cơ quan chủ trì soạn thảo thống nhất với đánh giá rằng khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng là điểm nghẽn lớn nhất của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; nội dung này đã được nêu tại Mục 1.2 dự thảo Tờ trình và Mục II Báo cáo tổng kết. (2) Về thẩm quyền và tính khả thi: chính sách hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng chịu sự điều chỉnh của pháp luật về ngân sách nhà nước, các tổ chức tín dụng, tín dụng đầu tư của Nhà nước; việc bổ sung một điều, khoản mới về cấp bù lãi suất vào Nghị định này đòi hỏi đánh giá tác động đầy đủ về nguồn lực và ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời phải bảo đảm không thuộc nhóm trợ cấp bị cấm theo Hiệp định SCM của WTO như cảnh báo của Cục Phòng vệ thương mại. (3) Hướng xử lý: cơ quan chủ trì soạn thảo đưa nội dung này vào Mục VI dự thảo Tờ trình (những vấn đề xin ý kiến) và phần kiến nghị của Báo cáo tổng kết, kèm hai phương án xử lý (bổ sung vào dự thảo Nghị định hoặc giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, đề xuất tại văn bản riêng), để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.
XVIII. Ý KIẾN VỀ THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VÀ CÁC NỘI DUNG KHÁC	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (Công văn số 13966/UBND-CT ngày 16/9/2026)	“a) Về tên của dự thảo Nghị định và tiêu đề Điều 1 của dự thảo Nghị định: Đề nghị điều chỉnh cụm từ “...của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ...” thành như sau: “...của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ...” Lý do: Đảm bảo thống nhất với Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và Nghị định số 205/2025/NĐ-CP.”	Tiếp thu toàn bộ. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thống nhất viết “công nghiệp hỗ trợ” (không viết hoa chữ “Công”) trong toàn bộ hồ sơ dự thảo, gồm tên Nghị định, tiêu đề Điều 1, dự thảo Tờ trình, Báo cáo tổng kết, Phụ lục rà soát, Bản so sánh - thuyết minh và Bản đánh giá thủ tục hành chính.

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“- Đề nghị thống nhất trong toàn bộ hồ sơ cách diễn đạt tên văn bản là “Nghị định số 111/2015/NĐ-CP... được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP”; đồng thời hoàn thiện các nội dung còn để trống như căn cứ “Luật ...”, số, ngày tháng văn bản, thời điểm có hiệu lực và các số liệu về quá trình lấy ý kiến, thẩm định trước khi trình Chính phủ.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thống nhất cách diễn đạt tên văn bản trong toàn bộ hồ sơ; hoàn thiện phần căn cứ ban hành; các trường về số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành của dự thảo văn bản được giữ trống theo đúng thể thức văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Phụ lục I Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và sẽ được điền khi ban hành; các số liệu về kết quả lấy ý kiến đã được cập nhật tại Mục III dự thảo Tờ trình và mục I Bản tổng hợp này (riêng tổng số cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến sẽ được bổ sung trước khi trình).
	Sở Công Thương tỉnh An Giang (Công văn số 4202/SCT-QLCN ngày 14/9/2026)	“3. Đề nghị xem lại và trình bày văn bản theo quy định: Dấu “:” sau các khoản, Điều; dấu “,” sau các điểm.”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chuẩn hóa dấu câu trong toàn bộ dự thảo Nghị định và Danh mục ban hành kèm theo: dấu “:” sau câu dẫn của điều, khoản; dấu “,” sau mỗi điểm và dấu “.” ở điểm cuối cùng, theo Phụ lục I Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).
	Sở Công Thương tỉnh Phú Thọ (Công văn số 4194/SCT-QLCN ngày 15/9/2026)	“Một số dòng tại Phụ lục còn thiếu dấu câu hoặc viết hoa chưa thống nhất như “Nguyên liệu, phụ liệu, phụ kiện ngành Dệt May”, “Da muối, Da thuộc”, “Thạch anh”, “Bánh xe”, “Khuôn mẫu, đồ gá”...”	Tiếp thu. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chuẩn hóa cách viết hoa tên ngành, tên sản phẩm và dấu câu tại toàn bộ Danh mục ban hành kèm theo Nghị định theo quy tắc viết hoa tại Phụ lục I Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).
	Sở Công Thương thành phố Hà Nội (Công văn số 8837/SCT-VP ngày 15/9/2026)	“1. Đối với Nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Văn bản số 7003/BCT-DKT ngày 03/9/2026 của Bộ Công Thương) [...] 3. Đối với Báo cáo tình hình, sơ bộ kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương	Ghi nhận. Hai nội dung này thuộc Văn bản số 7003/BCT-DKT ngày 03/9/2026 và Văn bản số 6993/BCT-PC ngày 03/9/2026 của Bộ Công Thương, không thuộc phạm vi hồ sơ dự thảo Nghị định lấy ý kiến tại Công văn số 7068/BCT-CN ngày 04/9/2026. Cơ quan chủ trì soạn thảo

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(theo Văn bản số 6993/BCT-PC ngày 03/9/2026 của Bộ Công Thương) Sở Công Thương thống nhất với nội dung và bố cục của 02 dự thảo Báo cáo do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo.”	đã chuyển các nội dung này đến Cục Dầu khí và Than, Vụ Pháp chế để tổng hợp theo thẩm quyền.

Trên đây là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ./.